

## BÀI SỐ 1

將有五行之遊竹川送之以詩因和其韻

***Tương hữu Ngũ Hành chi du, Trúc Xuyên tổng chi dĩ thi,  
nhân họa kỳ vận***

|         |                                                       |
|---------|-------------------------------------------------------|
| 快讀瑤章癢得搔 | <i>Khoái độc dao chương dưỡng đắc tao,</i>            |
| 頓今湖海氣逾豪 | <i>Đốn kim hồ hải khí du hào.</i>                     |
| 三千烟月歸摩詰 | <i>Tam thiên yên nguyệt quy Ma Cật,<sup>(1)</sup></i> |
| 百二山河入薜濤 | <i>Bách nhị sơn hà nhập Tiết Đào.<sup>(2)</sup></i>   |
| 曉日海臺紅走彈 | <i>Hiểu nhật Hải Đài<sup>(3)</sup> hồng tẩu đạn,</i>  |
| 秋風水洞碧含醪 | <i>Thu phong Thủy Động bích hàm giao.</i>             |
| 木峰突出四天下 | <i>Mộc phong đột xuất tứ thiên hạ,</i>                |
| 印度神馳雪嶺高 | <i>Ấn Độ thần trì Tuyết Lĩnh<sup>(4)</sup> cao.</i>   |

Dịch nghĩa:

**Sắp có cuộc đi chơi Ngũ Hành Sơn,  
Trúc Xuyên làm thơ tiễn, nhân đó họa vần**

Thích đọc thơ mà tiếp được bài hay,  
Lập tức khiến cho cái khí hồ hải càng phấn chấn.  
Ba nghìn trăng khói [cảnh vật] về [tranh của] Ma Cật,  
Trăm hai sông núi vào [trong thơ] của Tiết Đào.  
Buổi sáng sớm ở Hải Đài, đạn hồng chày;  
Gió mùa thu nơi Thủy Động, rượu giao biếc ngậm.  
Núi cây nhô cao lên đến bốn cõi trời,  
Thần xứ Ấn Độ rong ruổi trên ngọn núi Tuyết cao.

(1) Ma Cật: hiệu của Vương Duy, nhà thơ kiêm họa sĩ nổi tiếng thời Đường (Trung Quốc).

(2) Tiết Đào: nhà thơ nữ thời Đường, không rõ năm sinh, năm mất, tự Hồng Độ, người Trường An, thân phụ làm quan tại đất Thục nên bà lưu ngụ ở đó. Cha mất, bà đến tuổi cập kê, nổi tiếng tài thơ, lại có nhan sắc, nhưng không muốn lấy chồng, chỉ thích giao du với các danh sĩ đương thời; Nguyên Chấn, Bạch Cư Dị, Bùi Độ, Trương Tích, Đỗ Mục, Lưu Vũ Tích... đều có thơ xướng họa với bà. Trần thủ đất Thục là Vi Cao mời bà đến hầu rượu, tiễn cử với triều đình làm hiệu thư lang, nhưng không được (xưa không hề có chuyện đàn bà làm quan). Khi ở Hoãn Hoa Khê, bà chế thứ giấy màu đỏ thắm vẽ màu rất đẹp, gọi là "Tiết Đào tiên". Lúc vẫn niên ở phường Bích Khê, bà dựng lầu Ngâm Thi, khi mất, được Đoàn Vũ Xứng soạn bài văn bia mộ. Bà có câu thơ được lưu truyền như ca dao (*Thi kinh*): “枝迎南北鳥 / 葉送往來風 *Chi nghênh nam bắc điểu / Diệp tổng vãng lai phong* (Cành đón chim nam bắc / Lá theo gió lại qua).

(3) Hải Đài: tên một thành phòng biển ở bờ vịnh Đà Nẵng thời Nguyễn, đóng quân và đặt súng đại bác.

(4) Tuyết Lĩnh: núi tuyết phủ quanh năm, chỉ Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) ở bắc Ấn Độ, giáp Tây Tạng.

Tạm dịch thơ:

Tiếp được thơ hay sướng xiết bao,  
Chợt đâu hồ hải khí tuôn trào.  
Ba nghìn trắng khó về Ma Cật,  
Trăm lẻ non sông nhập Tiết Đào.  
Buổi sớm Hải Đài hồng tuôn đạn,  
Gió thu Thủy Động biếc ngâm giao.  
Núi cây bốn phía lô nhô ngọn,  
Thần Ân dong chơi Tuyết Lĩnh cao.

## BÀI SỐ 2

和竹川寄題五行山原韻

**Họa Trúc Xuyên ký đề Ngũ Hành Sơn nguyên vận**

|       |                                     |
|-------|-------------------------------------|
| 浪客應無住 | Lãng khách ưng vô trú,              |
| 登山快此行 | Đăng sơn khoái thử hành.            |
| 斜陽橫塔影 | Tà dương hoành tháp ảnh,            |
| 旅夢繞濤聲 | Lữ mộng nhiều dào thanh.            |
| 石傍水邊落 | Thạch bàng thủy biên lạc,           |
| 雲偏林下生 | Vân thiên lâm hạ sanh.              |
| 忘機誰似我 | Vong cơ <sup>(1)</sup> thùy tự ngã, |
| 合要海鷗盟 | Hợp yếu hải âu minh.                |

Dịch nghĩa:

**Họa nguyên vận bài thơ**

**Đề núi Ngũ Hành của Trúc Xuyên gợi cho**

Khách lãng du không muốn ở yên một chỗ,  
Lần đi này thích nhất là lên núi.  
Ánh nắng chiều dọi ngang bóng tháp,

<sup>(1)</sup> Vong cơ: quên then máy, những mưu toan phức tạp của người đời. Chỉ phép tu tiên, vứt bỏ mọi ý nghĩ toan tính danh lợi làm vướng bận tâm trí để lòng được thanh thản. “Âu lộ vong cơ”: chim âu và cò quên then máy (âu còn gọi là sa âu, thủy âu, hải âu, loài chim sống ở biển). Sách *Liệt tử* của Liệt Ngự Khẩu (430-349 TCN) kể chuyện: Trên biển, có người thích chim âu, sáng nào cũng theo chúng dong cỡi; hàng trăm con bay tới làm bạn. Cha thấy thế, một hôm bảo bắt về một con xem cho biết. Sáng hôm sau, anh ta ra biển với ý định bắt một con, nhưng suốt buổi, chỉ thấy chúng bay liệng trên cao, tuyệt không con nào sà xuống tới gần. Ý nói chỉ những người hoàn toàn “vong cơ”, không một mảy trí mưu xảo trá, không có lòng hại ai, mới gần được chim âu.

Mộng đi xa quanh quất tiếng sóng gào.  
Đá dựa bên bờ nước cạn,  
Mây dưới rừng bốc lên nghiêng nghiêng.  
Quên then máy [cuộc đời] ai như ta,  
Hẹn hò hợp với chim âu biển.

Tạm dịch thơ:

Dong chơi không một chốn,  
Lần ấy tới non cao.  
Ngọn tháp nắng tà chiều,  
Trong mơ tiếng sóng trào.  
Đá bên bờ nước cạn,  
Mây dưới cánh rừng xao.  
Thằng thích ai như tớ,  
Hải âu hẹn với nào.

### BÀI SỐ 3

舟中留別

*Chu trung lưu biệt*

|         |                                                       |
|---------|-------------------------------------------------------|
| 御河橋畔小徘徊 | Ngự Hà kiều <sup>(1)</sup> bạn tiểu bồi hồi,          |
| 送客黃昏上艇纔 | Tống khách hoàng hôn thương đĩnh tài.                 |
| 望斷鵲原江笛起 | Vọng đoạn Linh nguyên <sup>(2)</sup> giang địch khởi, |
| 唱殘驪曲布帆開 | Xướng tàn Ly khúc <sup>(3)</sup> bố phàm khai.        |
| 清秋山海篷頭過 | Thanh thu sơn hải bông đầu quá,                       |

<sup>(1)</sup> Ngự Hà kiều: tên cầu, bắc qua sông Ngự Hà, ở góc đông bắc trong Kinh Thành Huế, nhân dân gọi là Cầu Kho, vì ở đây có nhà kho của triều đình Huế (Kinh thương), chứa hàng hóa đủ loại.

<sup>(2)</sup> Linh nguyên: cánh đồng hay vùng gò đồi có chim tích linh. Trong *Thi kinh*, thiên 164 phần *Tiểu nhã*, nhan đề 常棣 *Thường đệ* (“đệ” cũng đọc “lệ”, một thứ cây, quả như quả anh đào, ăn được), nói về tình anh chị em trong nhà là thân thiết không gì bằng, dù cho bạn bè tốt đến mấy cũng không giúp gì được, chương thứ ba như sau: 脊令在原 / 兄弟急難 / 每有良朋 / 況也永歎 *Tích linh tại nguyên / Huynh đệ cấp nạn / Mỗi hữu lương bằng / Huống dã vĩnh thán* (Tích linh gò cao đậu / Anh em nạn gấp rồi / Bạn tốt tuy cũng có / Chỉ than thở suông thôi!). Chu Hy giải: Tích linh là một loài chim nước, bay thì kêu, đi thì nhấp nhấp, ý như có tại nạn gì nguy cấp, cho nên lấy đó khởi hứng mà nói rằng đương lúc hoạn nạn nguy cấp ấy, dầu có bạn tốt, bất quá bạn tốt cũng chỉ thờ dài mà thôi, hoặc giả vì không đủ sức để cứu đỡ.

<sup>(3)</sup> Ly khúc: hay Ly ca, một bài hát cổ (chữ Ly phải viết hoa, tên một giống ngựa), nội dung nói về sự lên đường đi xa. Theo sách *Đại đài lễ*, khi có người sắp ra đi, hát bài Ly ca, có đoạn: 驪駒在門 / 僕夫具存 / 驪駒在路 / 僕夫整駕 *Ly ca tại môn / Bộc phu cụ tồn / Ly ca tại lộ / Bộc phu chỉnh giá* (Ngựa Ly ở cửa / Người hầu đồng đủ / Ngựa Ly ra đường / Người hầu đóng cương).

|         |                                                     |
|---------|-----------------------------------------------------|
| 黑夜星辰棹底來 | <i>Hắc dạ tinh thân trạo để lại.</i>                |
| 疊疊浪談長不寐 | <i>Vĩ vĩ lãng đàm trường bất寐,</i>                  |
| 西風一路到高堆 | <i>Tây phong nhất lộ đảo Cao Đồi.<sup>(1)</sup></i> |

Dịch nghĩa:

**Trong thuyền, [làm thơ] để lại khi từ biệt**

Bên bờ cầu Ngự Hà, lòng hơi bồi hồi;  
 Chiều tối đưa khách vừa lên thuyền.  
 Vời trông Linh nguyên, tiếng sáo thổi;  
 Hát xong Ly khúc, buồn vãi mở ra.  
 Trời thu trong, thuyền bỗng vượt qua núi biển;  
 Đêm tối đen, mái chèo vẩy tới muôn sao.  
 Cố kéo dài câu chuyện vẫn mãi không ngủ được,  
 Gió tây thổi đi một mạch đến Cao Đồi (Cầu Hai).

Tạm dịch thơ:

Ngự Hà trên bến dạ bồi hồi,  
 Đưa khách lên thuyền sắp tối rồi.  
 Trông ngút Linh nguyên cung sáo thổi,  
 Hát xong Ly khúc cánh buồn trôi.  
 Đêm đen chèo vẩy khua sao ánh,  
 Thu lạnh thuyền qua khuất núi đồi.  
 Chuyện vẫn lòng vòng không ngủ được,  
 Gió tây một mạch đến Cao Đồi.

**BÀI SỐ 4**

承留曉發

***Thừa Lưu hiểu phát***

|         |                                                         |
|---------|---------------------------------------------------------|
| 承留十里一長亭 | <i>Thừa Lưu<sup>(2)</sup> thập lý nhất trường đình,</i> |
| 路入中虔眼未經 | <i>Lộ nhập Trung Kiền nhãn vị kinh.</i>                 |

<sup>(1)</sup> Cao Đồi: tên Nôm là Cầu Hai, một làng ở phía nam Kinh sư, thuộc tổng Diêm Trường, huyện Phú Lộc, nay một phần thuộc thị trấn Phú Lộc, một phần thuộc xã Lộc Trì.

<sup>(2)</sup> Thừa Lưu: tên một trạm ở phía nam Cầu Hai thời Nguyễn đặt tại làng Đông Lưu, kề cận làng Trung Kiền nay thuộc thị trấn huyện Phú Lộc. Các địa danh khác trong bài này là các xứ đất ở vùng ấy, không phải tên làng (Thạch Dương, Sơ Bình).

山下石羊寒不起      Sơn hạ Thạch Dương hàn bất khởi,  
初平何處訪林垞      Sơ Bình hà xứ phỏng lâm quynh.

Dịch nghĩa:

**Buổi sớm ra đi ở trạm Thừa Lưu**

Ở Thừa Lưu mười dặm có một trường đình,  
Đường vào Trung Kiên, mắt chưa từng thấy qua.  
Xứ Thạch Dương dưới núi lạnh không dậy,  
Xin hỏi vùng rừng Sơ Bình ở chỗ nào.

Tạm dịch thơ:

Thừa Lưu mười dặm một trường đình,  
Đường tới Trung Kiên lạ với mình.  
Dưới núi Thạch Dương trời rất lạnh,  
Hỏi thăm đâu chốn đất Sơ Bình.

**BÀI SỐ 5**

富嘉感作

**Phú Gia<sup>(1)</sup> cảm tác**

之字山塗界曲阿      Chi tự sơn đồ giới Khúc A,  
陡驚當日念民瘥      Đẩu kinh đương nhật niệm dân ta.  
征車未邁魂先落      Chinh xa vị mại hồn tiên lạc,  
誰料平安此度過      Thùy liệu bình an thử độ qua.

Dịch nghĩa:

**Ở đèo Phú Gia, cảm xúc làm thơ**

Đường núi quanh co giáp với Khúc A,  
Cheo leo đáng sợ giữa ban ngày nghĩ đến nỗi đau của dân.  
Xe đi chưa xa mà hồn phách đã rụng rời,  
Ai tính liệu được bình an lần ấy đi qua đó.

<sup>(1)</sup> Phú Gia: tên đèo, thuộc địa phận làng Phú Gia (làng thành lập khoảng thời chúa Nguyễn là một phường; sau năm 1570, thuộc tổng Diêm Trường, huyện Phú Vang; sau năm 1835, đổi làm ấp, thuộc tổng An Cư, huyện Phú Lộc; Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, thuộc xã Dinh Lộc (Đại Nguyên), huyện Phú Lộc; từ năm 1958, thuộc xã Lộc Tụ, quận Phú Lộc; sau năm 1975, thuộc xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc). Đèo này không cao và cũng không hiểm trở như đèo Hải Vân.

Tạm dịch thơ:

Đường núi quanh co giáp Khúc A,  
Cheo leo nghĩ sợ hại dân ta.  
Xe đi chưa tới kinh hồn vía,  
Đã chắc bình an một chuyến qua.

## BÀI SỐ 6

立烟

*Lập Yên<sup>(1)</sup>*

(俗名○獠毛<sup>(2)</sup> Tục danh Truông Chuột Mào)

|         |                                             |
|---------|---------------------------------------------|
| 肩輿旋轉下岩來 | <i>Kiên dư toàn chuyển hạ nham lai,</i>     |
| 海子漁帆隔岸回 | <i>Hải tử ngư phàm cách ngạn hồi.</i>       |
| 近水雲多山擁絮 | <i>Cận thủy vân đa sơn ủng nhũ,</i>         |
| 隔林霧細樹浮埃 | <i>Cách lâm vụ tế thụ phù ai.</i>           |
| 長衝沙瀚晴翻雪 | <i>Trường xung sa hãn tình phiên tuyết,</i> |
| 遠聽風濤晝隱雷 | <i>Viễn thính phong đào trú ẩn lôi.</i>     |
| 虎橫行人投宿早 | <i>Hổ hoành hành nhân đầu túc tảo,</i>      |
| 海門東畔驛亭隈 | <i>Hải môn đông bạng dịch đình ôi.</i>      |

Dịch nghĩa:

## Lập Yên

(Tục gọi là Truông Chuột Mào)

Kiểu chuyển xuống phía dưới núi,  
Thuyền chài ngoài biển đã về bến bên kia.  
Gần nước mây nhiều [như] núi phủ tơ liễu,  
Cách rừng sương mỏng [như] cây phủ bụi.  
Biển cát nổi dài [như] tạnh ráo hóa thành tuyết,  
Xa nghe tiếng gió sóng [như] ban ngày ngầm chứa sấm.  
Sợ cộp vô, người đi đường vào nghỉ trọ sớm,  
Đình trạm ở góc núi bờ đông cửa biển.

<sup>(1)</sup> Tên một làng dưới chân đèo Phú Gia, ven đầm An Cư. Làng được lập vào cuối thế kỷ XVIII, vào đời Tây Sơn. Tên chữ Hán thường viết là Lập An 立安, nay thuộc thị trấn Lăng Cô. Bỏ chú của BBT.

<sup>(2)</sup> Địa danh ghi chữ Nôm trong nguyên bản. Chữ trong vòng tròn là chữ Truông (Nôm), gồm chữ thổ 土 + trung 中.

Tạm dịch thơ:

Xe dần lặn xuống theo sườn đá,  
 Ngoài biển thuyền chài ghé bến xa.  
 Gần nước mây nhiều tơ liễu phủ,  
 Cách rừng sương mỏng bụi cây pha.  
 Cát đường tuyết rắc khi trời tạnh,  
 Sóng tựa sấm ngầm giữa buổi trưa.  
 Sợ cộp người đi vào nghỉ sớm,  
 Bờ đông cửa biển dịch đình qua.

### BÀI SỐ 7

觀海

#### *Quan hải*

|         |                                               |
|---------|-----------------------------------------------|
| 海闊天圓挂一球 | <i>Hải khoáng thiên viên quải nhất cầu,</i>   |
| 太陽如彈浪如丘 | <i>Thái dương như đạn lãng như khâu.</i>      |
| 飄然豪興生長翼 | <i>Phiêu nhiên hào hứng sinh trường dực,</i>  |
| 蕩盡塵襟豁遠眸 | <i>Đãng tận trần khâm hoát viễn mâu.</i>      |
| 暇日干戈摧虎兇 | <i>Hạ nhật can qua thôi hổ tỵ,</i>            |
| 晴空風雨鬥蛟虬 | <i>Tình không phong vũ đấu giao cầu.</i>      |
| 聲聲傾向崩崖下 | <i>Thanh thanh khuynh hướng băng nhai hạ,</i> |
| 擣碎行人萬斛愁 | <i>Đảo toái hành nhân vạn hộc sầu.</i>        |

Dịch nghĩa:

#### **Xem biển**

Biển rộng, trời tròn, treo một quả cầu;  
 Mặt trời như một hòn đạn, sóng như cái gò.  
 Hứng thú tự nhiên cao vọt mọc cánh dài,  
 Lòng trần tục sạch không lỏng lẻo trông xa.  
 Ngày thông thả, dáo gươm đuổi loài cộp núi trâu rừng;  
 Lúc tạnh ráo, gió mưa tranh đấu với con giao con cầu.  
 Những tiếng vang vọng xuống dưới sườn núi dốc,  
 Đập tan muôn hộc sầu của khách đi đường.

Tạm dịch thơ:

Biển rộng trời tròn treo quả lửa,  
 Vàng hồng như đạn sóng như khâu.  
 Hứng cao cánh mọc muôn trùng tới,  
 Lòng sạch mắt nhìn bốn phía thâu.  
 Ngày rảnh, dáo gươm xua hổ tự,  
 Trời quang, mưa gió đánh giao cầu.  
 Tiếng chi vang dội bên sườn dốc,  
 Đập nát hành nhân vạn học sầu.

### BÀI SỐ 8

宿山嶺店

#### *Túc sơn lĩnh điểm*

|       |                                               |
|-------|-----------------------------------------------|
| 茅店落高岑 | <i>Mao điểm lạc cao sâm,</i>                  |
| 罡風半夜臨 | <i>Cang phong bán dạ lâm.</i>                 |
| 雨聲喧客枕 | <i>Vũ thanh huyền khách chẩm,</i>             |
| 寒焰炤孤吟 | <i>Hàn diệm chiếu cô ngâm.</i>                |
| 遊興閒偏劇 | <i>Du hứng nhàn thiên kịch,</i>               |
| 交情老更深 | <i>Giao tình lão cánh thâm.</i>               |
| 雄關明日過 | <i>Hùng quan<sup>(1)</sup> minh nhật quá,</i> |
| 無限望鄉心 | <i>Vô hạn vọng hương tâm.</i>                 |

Dịch nghĩa:

#### **Ngủ trọ ở điểm trên núi**

Điểm cỏ ở trên núi cao,  
 Gió bắc nửa đêm thổi tới.  
 Tiếng mưa rơi làm rộn gối người đi xa,  
 Ngọn đèn lạnh lẽo dọi vào nhà thơ cô đơn.  
 Thú đi chơi càng nhàn rồi càng nôn nóng,  
 Tình bạn càng già càng thấm thiết.  
 Ngày mai qua Hùng quan,  
 Tấm lòng nhớ trông quê hương không bờ bến.

<sup>(1)</sup> Hùng quan: chỉ đèo Hải Vân. Vua Minh Mạng cho xây trên đỉnh đèo một cửa ải, biển ngạch đề: “Thiên hạ đệ nhất hùng quan”. Đèo Hải Vân còn gọi là đèo Ngải, vì trên núi có cây ngải, nở hoa màu vàng.



Tạm dịch thơ:

Điểm tranh trên đầu núi,  
Gió bắc thổi đêm thâu.  
Gối khách mưa rào rạt,  
Người thơ nén dãi dầu.  
Thú chơi nhàn lại bức,  
Tình bạn lão càng sâu.  
Mai sớm đi qua ải,  
Lòng quê xiết nỗi sầu.

### BÀI SỐ 9

海雲關

#### *Hải Vân Quan*

|         |                                                          |
|---------|----------------------------------------------------------|
| 山路盤紆轉倍長 | <i>Sơn lộ bàn vu chuyển bội trường,</i>                  |
| 寒岩峭立界中央 | <i>Hàn nham tiếu lập giới trung ương.</i>                |
| 行人愁入猿聲裏 | <i>Hành nhân sầu nhập viên thanh lý,</i>                 |
| 詩興高騫鳥道旁 | <i>Thi hứng cao khiên điểu đạo bàng.</i>                 |
| 北望神京空戀闕 | <i>Bắc vọng Thần kinh không luyến khuyết.</i>            |
| 南瞻仙洞忘思鄉 | <i>Nam chiêm sơn động vong tư hương.</i>                 |
| 千尋廢壘無關鎖 | <i>Thiên tầm phế lũy vô quan trấn,</i>                   |
| 且莫鳴雞說孟嘗 | <i>Thả mặc minh kê<sup>(1)</sup> thuyết Mạnh Thường.</i> |

Dịch nghĩa:

#### **Cửa ải Hải Vân**

Đường núi quanh co trải dài ra mãi,  
Động đá lạnh lùng chót vót đứng giữa biên giới.  
Người đi buồn bã vào chỗ vượn kêu,  
Hứng thơ cao vút trên đường chim bay.  
Phía bắc trông về Thần kinh, tự dựng lưu luyến đô thành;

<sup>(1)</sup> Minh kê: gà gáy. Mạnh Thường Quân Điền Văn người nước Tề, làm Tướng quốc ở nước Tần, rất hào phóng, trong tư dinh luôn có hàng nghìn thực khách. Đến khi vua Tần nghe lời dèm, nghi ngờ ông, nhưng vẫn giữ lại như giam lỏng. Ông lo sợ, trốn về Tề, chỉ có một ít thực khách trung kiên đi theo. Đang đêm đến ải quan, trời chưa sáng, không biết làm sao thoát được. Một thực khách bèn giả tiếng gà gáy mấy hồi. Lính canh tường đã đến canh năm, mở cửa ải. Đoàn người nhờ đó vượt được ải quan trót lọt...

Phía nam xem các động tiên quên lòng nhớ quê.  
 Lũy hoang phé dài nghìn tầm không có cửa đóng,  
 Chẳng cần đến gà gáy bàn chuyện Mạnh Thường Quân.

Tạm dịch thơ:

Đường núi quanh co chuyển dặm trường,  
 Lạnh lùng sườn đá dựng trung ương.  
 Vào nơi vượn hú hành nhân thăm,  
 Bên lối chim bay thi hứng vương.  
 Bắc ngóng Thần kinh thương cửa khuyết,  
 Nam xem tiên động bỏ quê hương.  
 Nghìn tầm phé lũy không quan ải,  
 Gà gáy bàn chi chuyện Mạnh Thường.

### BÀI SỐ 10

海上

#### *Hải thượng*

雨後烟霞縹緲中  
 方壺圓嶠自玲瓏  
 百年意氣鯨吞浪  
 萬丈文章蜃吐虹  
 滄海茫茫憐一粟  
 白沙渺渺感孤蓬  
 翻身觀入三千界  
 至道玄微蘊太空

*Vũ hậu yên hà phiêu diểu trung,  
 Phương Hồ, Viên Kiệu tự linh lung.  
 Bách niên ý khí kinh thôn lãng,  
 Vạn trượng văn chương thặng thổ hồng.<sup>(1)</sup>  
 Thương hải mang mang linh nhất túc,  
 Bạch sa miểu miểu cảm cô bông.  
 Phiên thân quan nhập tam thiên giới,  
 Chí đạo huyền vi uẩn thái không.*

Dịch nghĩa:

#### **Xem biển**

Sau cơn mưa, khói ráng dâng mịt mờ thấp thoáng;  
 Như cõi tiên Phương Hồ, Viên Kiệu lung linh.  
 Ý khí hàng trăm năm như cá voi nuốt sóng,

<sup>(1)</sup> Thặng thổ hồng: sò hén nhả cầu vồng. Cũng nói Thặng lâu, Thặng các (lâu sò, gác sò). Sách *Bản thảo cương mục* của danh y Lý Thì Trân cho biết: Thặng (hay đọc thần) là loài giao long ở biển, hơi thở của nó bốc lên không, tụ lại lúc trời sắp mưa, trông như thành quách, lâu đài. Có người nói thặng là một loài sò biển lớn. Thật ra đây chỉ là ảo ảnh ngoài khơi do hiện tượng khúc xạ tạo ra.

Văn chương cao muôn trượng như sò hén nhả cầu vòng.  
 Biển xanh mênh mang xót thương cho một hạt thóc,  
 Cát trắng vời vơi thông cảm cho cỏ bông cô độc.  
 Đồi thân quán định vào ba nghìn thế giới,  
 Đạo lớn màu nhiệm chứa chan trong cõi hư không.

Tạm dịch thơ:

Khói ráng sau mưa tỏa rập rình,  
 Phương Hồ Viên Kiệu hiện lung linh.  
 Trăm năm ý khí kinh phun sóng,  
 Muôn trượng văn chương hén nhả hình.  
 Thương hạt thóc ngoài khơi xanh biếc,  
 Cảm thân bông giữa cát trắng tinh.  
 Đồi mình nhập định ba nghìn cõi,  
 Đạo lớn nhiệm màu lẫn thái thanh.

## BÀI SỐ 11

廣泰興棧

### *Quảng Thái Hưng sạn*

|         |                                           |
|---------|-------------------------------------------|
| 單車直欲徧羸寰 | <i>Đơn xa trực dục biến doanh hoàn,</i>   |
| 輻輳先須訪此間 | <i>Bức tẩu tiên tu phỏng thử gian.</i>    |
| 遠客快心談峴汎 | <i>Viễn khách khoái tâm đàm Hiên tán,</i> |
| 故交攜手看茶山 | <i>Cố giao huề thủ khán Trà Sơn.</i>      |
| 神仙本是天家樂 | <i>Thần tiên bản thị thiên gia lạc,</i>   |
| 豪富無如地主閒 | <i>Hào phú vô như địa chủ nhàn.</i>       |
| 卅七年前空感憤 | <i>Táp thất niên tiền không cảm phẫn,</i> |
| 一夫應自悔當關 | <i>Nhất phu ưng tự hối đương quan.</i>    |

Dịch nghĩa:

### **Nhà trọ Quảng Thái Hưng**

Một chiếc xe muốn đi khắp tất cả các nơi,  
 Nhưng trước hết nên đến thăm vùng này đã.  
 Khách xa nhà vui lòng chuyện trò về đồn Hiên,  
 Bạn quen cũ dắt tay đi xem núi Trà.

Thần tiên vốn là niềm vui của nhà trời,  
Giàu có chẳng bằng cái nhàn của ông chủ đất.  
Nghĩ mà giận cho ba mươi bảy năm trước,  
Một gã đàn ông ăn năn vì chỉ ở trong nhà.

Tạm dịch thơ:

Một xe muốn ruồi khắp muôn xa,  
Trước hết vùng này hãy ghé qua.  
Viễn khách vui bàn về cảng Hiện,  
Cổ giao dất tới ngắm non Trà.  
Thiên gia vốn thích thần tiên chuyện,  
Địa chủ đâu màng phú quý nhà.  
Ba bảy năm nay lòng luống giận,  
Then cài cửa khóa chẳng đi ra.

## BÀI SỐ 12

題五行山

### Đề Ngũ Hành Sơn

|         |                                                |
|---------|------------------------------------------------|
| 望江臺上眾峰迴 | Vọng giang đài thượng chúng phong hồi,         |
| 仄磴飛梯詰屈來 | Trắc đẵng phi thê cật khuất lai.               |
| 洞裏山深通五蘊 | Động lý sơn thâm thông Ngũ Uẩn, <sup>(1)</sup> |
| 岩凹寺古過三台 | Nham ao tự cổ quá Tam Thai. <sup>(2)</sup>     |

<sup>(1)</sup> Ngũ Uẩn: nguyên chú của tác giả: 五蘊山在雲通洞裏 *Ngũ Uẩn Sơn tại Vân Thông Động lý* (Núi Ngũ Uẩn ở trong động Vân Thông). Nghĩa đen, ngũ uẩn (skadha) là năm thứ cận bã tác dụng vào con người gây nên sai lầm, trở ngại: 1. Sắc uẩn: những thứ vật chất hữu hình. 2. Thụ uẩn: tác dụng cảm thụ sự vật của tâm đối với cảnh. 3. Tưởng uẩn: tác dụng tưởng tượng sự vật của tâm đối với cảnh. 4. Hành uẩn: tác dụng về mọi thứ thiện ác của tâm đối với cảnh. 5. Thức uẩn: tác dụng của mọi thứ hiểu biết phân biệt sự vật của tâm đối với cảnh.

<sup>(2)</sup> Tam Thai: Tên ngôi chùa ở núi Tam Thai, tức Thủy Sơn, một trong sáu ngọn của Ngũ Hành Sơn, danh thắng cổ tích xứ Quảng Nam. Sách Đại Nam nhất thống chí chép: “*Núi Ngũ Hành ở xã Hóa Khuê Đông, cách huyện Diên Phước 23 dặm về phía đông bắc; giữa động cát nổi lên sáu ngọn núi đá, sông cái lượn phía tây, biển cả bao phía đông bắc. Hình núi nhọn đẹp, trời tạnh nhìn ở xa, sắc như mây gấm, thực đáng yêu, tục gọi là hòn Non Nước. Ngọn núi phía đông bắc như hình sao Tam Thai, xưa gọi là núi Tam Thai... Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), vua ban sắc đổi tên núi Tam Thai thành Thủy Sơn, ba ngọn phía tây nam là Mộc Sơn, Dương Hòa Sơn và Âm Hòa Sơn; hai ngọn núi ở phía tây là Thổ Sơn và Kim Sơn, đều khắc tên vào đá núi*” (ĐNNTC, tập 2, Bản dịch: Viện Sử học, quyển VII, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1992). Cuối thế kỷ XVII, Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu đã phong chức Quốc sư cho vị trụ trì chùa Tam Thai là Hưng Liên Quả Hoằng, cũng thời gian ấy, năm 1694, thiền sư Thạch Liêm Thích Đại Sán nhận lời mời của chúa, sang Thuận Hóa mở giới đàn truyền pháp, khi về, trên đường vào Quảng Nam, đã nghe viên giám quan mô tả và ghi lại trong cuốn *Hải ngoại kỷ sự* như sau: “*Đấy*

|         |                                             |
|---------|---------------------------------------------|
| 頑風怪鳥令人訝 | <i>Ngoan phong quái điều linh nhân nhạ,</i> |
| 倒樹懸猿見客猜 | <i>Đảo thụ huyền viên kiến khách sai.</i>   |
| 行脚老拚雲月窟 | <i>Hành cước lão phiên Vân Nguyệt quật,</i> |
| 四崖壁立石門開 | <i>Tứ nhai bích lập thạch môn khai.</i>     |

Dịch nghĩa:

### Đề núi Ngũ Hành

Trên đài Vọng Giang (ngắm sông), các ngọn núi vây quanh;  
 Sườn đá cheo leo quanh co đồ vè.  
 Trong động núi sâu thông với núi Ngũ Uẩn,  
 Ghềnh đá ngôi chùa cổ qua đến Tam Thai.  
 Gió giật, chim quái khiến người ta ngạc nhiên,  
 Cây ngược vượn treo làm cho khách nghi ngờ.  
 Ông già hành cước ở trong hang Vân Nguyệt,  
 Bốn bên vách núi dựng đứng mở ra cửa đá.

Tạm dịch thơ:

Núi vây quanh quất Vọng Giang đài,  
 Bậc đá cheo leo uốn trái dài.  
 Trong động núi sâu thông Ngũ Uẩn,  
 Dưới sườn chùa cổ đến Tam Thai.  
 Gió dòn chim quái người ngơ ngẩn,  
 Cây ngược vượn leo khách ngắm hoài.  
 Hành cước sư già Vân Nguyệt quật,  
 Bốn sườn đá dựng cửa không cài.

### BÀI SỐ 13

宿三台禪堂

### Túc Tam Thai thiền đường

|         |                                           |
|---------|-------------------------------------------|
| 似與山僧契宿盟 | <i>Tự dữ sơn tăng khế túc minh,</i>       |
| 偶然風雨滯回程 | <i>Ngẫu nhiên phong vũ trệ hồi trình.</i> |

---

là núi Tam Thai, ngôi chùa trong ấy tức là đạo trường của Quả Hoàng Quốc sư. Núi ấy có nhiều nham động như cửa ngõ, như cửa sổ, làm đường hang, làm nhà, làm phòng, như hình vung nổi, như hình chuông câu, v.v... thấy đều linh lung khoáng đãng, như ngồi được, ngồi gầy đàn, ngâm thơ được. Mỗi lúc nói lên, có tiếng vang đáp họa..." (Bản dịch, Viện Đại học Huế, 1963, tr. 137). Nay tại chùa hiện còn hai tám bia cổ ghi việc trùng tu giữa thế kỷ XVIII.

|         |                                      |
|---------|--------------------------------------|
| 濤音撼寺山應倒 | Đào âm hám tự sơn ưng đảo,           |
| 風勢翻沙海欲傾 | Phong thế phiên sa hải dục khuynh.   |
| 一百八聲鯨杵斷 | Nhất bách bát thanh kinh chử đoạn,   |
| 三十六洞蝶魂縈 | Tam thềm lục động điệp hồn uynh.     |
| 天涯旅夜燈相伴 | Thiên nhai lữ dạ đăng tương bạn,     |
| 炤徹禪心倍覺明 | Chiếu triệt thiền tâm bội giác minh. |

Dịch nghĩa:

### **Ngụ tại nhà thiền chùa Tam Thai**

Dường như đã có ước hẹn đời trước với nhà sư trên núi,  
 Tình cờ gió mưa gây trở ngại chuyến đi về.  
 Tiếng sóng biển lay động ngôi chùa, núi như nghiêng đổ;  
 Thế gió thổi cát bay, biển như chao nghiêng.  
 Một trăm lẻ tám tiếng chày kinh đã dứt,  
 Ba mươi sáu động hồn bướm quần quanh.  
 Đêm xa nhà ở góc trời làm bạn cùng ngọn đèn,  
 Soi rõ hết lòng thiền, giác càng sáng.

Tạm dịch thơ:

Trước với sơn tăng như có hẹn,  
 Gió mưa ngăn ngại cuộc hồi trình.  
 Sóng gầm chùa động non nghiêng bóng,  
 Gió lật cát bay biển trở mình.  
 Ba chục sáu hàng mơ giấc bướm,  
 Trăm linh tám tiếng nện chày kinh.  
 Góc trời lữ khách đèn làm bạn,  
 Soi thấu thiền tâm sáng thật tình.

### **BÀI SỐ 14**

玄空洞用梅僧韻

### **Huyền Không Động, dụng Mai Tăng vận**

|         |                                  |
|---------|----------------------------------|
| 餐花吸露足清真 | Xan hoa hấp lộ túc thanh chân,   |
| 禪榻茶烟悟夙因 | Thiền tháp trà yên ngộ túc nhân. |

本是玉京班上籍      *Bản thị Ngọc Kinh<sup>(1)</sup> ban thượng tịch,*  
偶緣松菊謫詩人      *Ngẫu duyên tùng cúc trích thi nhân.*

Dịch nghĩa:

**Động Huyền Không (Dùng vắn của Mai Tăng)<sup>(2)</sup>**

Ăn hoa, uống móc, đầy đủ thanh chân;  
Giường thiền, chén trà mà giác ngộ nhân duyên kiếp trước.  
[Tên] vốn ghi trong sổ hàng đầu ở Ngọc Kinh,  
Tự xưng có duyên với thông cúc nên bị đày làm nhà thơ.

Tạm dịch thơ:

Ăn hoa uống móc đủ thanh chân,  
Trà khói giường thiền ngộ túc nhân.  
Vốn ở Ngọc Kinh tên đỉnh sổ,  
Bén duyên thông cúc trích thi nhân.

**BÀI SỐ 15**

雲通洞用王制府韻

**Vân Thông Động, dụng Vương chế phủ vận**

奔崖懸谷洒天風      *Bôn nhai huyền cốc sái thiên phong,*  
歷盡嶽崎見鬼工      *Lịch tận khâm khi kiến quỷ công.*  
一似胸中消磊塊      *Nhất tự hung trung tiêu lồi khối,*  
北來換骨本心空      *Bắc lai hoán cốt bản tâm không.*

Dịch nghĩa:

**Động Vân Thông (Dùng vắn của ngài họ Vương)**

Sườn núi đổ dốc, hang ở lưng chừng, gió trời lồng lộng;  
Trải đến tận khâm khi thấy công lao [tạo dựng] của quỷ thần.  
Tựa như ở trong bụng tiêu tan từng hòn từng cục,  
Cối bắc tới thay xương, tâm vốn là không.

<sup>(1)</sup> Ngọc Kinh: chỉ cõi tiên. Theo Đạo giáo, Ngọc Kinh là nơi ở của Nguyên Thủy Thiên Tôn (như Ngọc Hoàng Thượng Đế), cùng Thái Thượng Lão Quân (hóa thân của Lão Đam, tác giả *Đạo đức kinh*, thường gọi là Lão Tử) và Nam Hoa Lão Tiên (hóa thân của Trang Chu, tác giả *Nam hoa kinh*, thường gọi là Trang Tử), thường cùng chư tiên hội họp để cầu phúc cho thế gian.

<sup>(2)</sup> Mai Tăng: một biệt hiệu của Đào Tấn, nhà thơ, nhà soạn tuồng, đồ tiến sĩ, làm quan thời Tự Đức - Thành Thái. Bỏ chú của BBT.



Tạm dịch thơ:

Hang lưng sườn dốc gió tuôn lồng,  
Đến tận khâm khi thấy quỷ công.  
Trong bụng như tan bao khối lỗi,  
Bắc về xương đôi vốn tâm không.

### BÀI SỐ 16

藏真洞勒石

#### *Tàng Chân Động lặc thạch*

|         |                                                                  |
|---------|------------------------------------------------------------------|
| 海上飛來鶴騎輕 | <i>Hải thượng phi lai hạc kỵ khinh,</i>                          |
| 雲門早已証無生 | <i>Vân Môn<sup>(1)</sup> tảo dĩ chứng vô sinh.<sup>(2)</sup></i> |
| 蓮臺桂宇秋濤響 | <i>Liên Đài<sup>(3)</sup> quế vũ thu đào hưởng,</i>              |
| 瑤草琪花石竇明 | <i>Dao thảo kỳ hoa thạch lậu minh.</i>                           |
| 遺翰日星垂萬古 | <i>Di hân nhật tinh thùy vạn cổ,</i>                             |
| 前身烟月認三清 | <i>Tiền thân yên nguyệt nhận tam thanh.</i>                      |
| 冷風應有神仙住 | <i>Lãnh phong ưng hữu thần tiên trú,</i>                         |
| 夜夜雙鳧躡玉京 | <i>Dạ dạ song phù nhiếp Ngọc Kinh.</i>                           |

Dịch nghĩa:

#### **Khắc vào đá ở động Tàng Chân**

Cỡi hạc nhẹ nhàng từ trên biển bay về,  
Ở cửa mây đã sớm chứng được vô sinh.

<sup>(1)</sup> Vân Môn: Tên núi, ở lý sở huyện Khúc Giang, Thiệu Châu, tỉnh Quảng Đông. Thời Ngũ Đại, cuối triều Tấn, sư Văn Yên người đất Gia Hưng, họ Trương, pháp tự của ngài Tuyết Phong đến núi này mở cảnh chùa Quang Thái, thu nhận đệ tử, chấn chỉnh môn phong, lập nên một thiền phái gọi là Vân Môn tông. Chúa Nam Hán tên Lưu Thanh quy y, lại ban cho sư hiệu Khuông Chân. Sư tịch năm Kỷ Dậu, niên hiệu Càn Hòa 7 (?).

<sup>(2)</sup> Vô sinh: "chân lý của Niết Bàn. Không sinh diệt cho nên gọi là vô sinh. Do đó mà quán các lý của vô sinh để phá trừ phiền não của sinh diệt... Ngài Thanh Lương nói: *Người nghe vô sinh liền biết các pháp, hết thấy đều không tịch, không sinh không diệt. Nhưng ở nghiêm độ lợi tha, không sinh vui mừng mà chỉ hướng tới tịch diệt, thì thành Thanh vân thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết theo duyên, cho nên là vô sinh thì thành Duyên giác thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết các pháp vốn tự không sinh, nay thì không diệt, tức sinh diệt mà không sinh diệt. Cái không sinh diệt không trở ngại cái sinh diệt. Đem với đó mà diệt để sinh thiện, lợi mình lợi người, thì thành Bồ tát thừa*" (TĐPHHV, tr. 1634).

<sup>(3)</sup> Liên Đài: Cũng gọi Cửu phẩm liên hoa, Cửu phẩm liên đài. Người tu pháp môn Tịnh độ tùy theo tịnh nghiệp nhiều ít, chia làm chín phẩm mà được vãng sinh vào cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Chúng sinh ở cõi ấy được hóa sinh trong hoa sen. Chín phẩm là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Tất cả các thứ cảm, trí, có, hành... đều phân chia thành chín phẩm.



Đài sen nhà quế tiếng sóng biển mùa thu vang vọng,  
 Cỏ ngọc hoa ngà trong hốc đá sáng.  
 Mặt trời và sao để lại văn chương không có muôn xưa,  
 Khói trắng thân trước nhận tam thanh (cõi tiên) (?)  
 Gió lạnh lòng như có thần tiên ở,  
 Đêm đêm hai con chim phù bay lên Ngọc Kinh.

Tạm dịch thơ:

Cõi hạc ngoài khơi tới nhẹ mình,  
 Cửa mây đã sớm chứng vô sinh.  
 Sóng thu mái quế đài sen đội,  
 Hốc đá hoa dao cỏ ngọc xinh.  
 Bút để sao trời lưu vạn cổ,  
 Thân xưa trắng khói nhận tam thanh.  
 Hơi may như có thần tiên trú,  
 Tối tối đôi phù tới Ngọc Kinh.

## BÀI SỐ 17

靈洞仙眞

### *Linh động Tiên Chân*

|       |                                    |
|-------|------------------------------------|
| 月窟雲根外 | <i>Nguyệt quật vân căn ngoài,</i>  |
| 藏眞洞口橫 | <i>Tàng Chân động khẩu hoành.</i>  |
| 群靈朝御座 | <i>Quần linh triều ngự tọa,</i>    |
| 二相表占城 | <i>Nhị tướng biểu Chiêm Thành.</i> |
| 仙鼠重嵌邃 | <i>Tiên thử trùng khảm thúy,</i>   |
| 天龍一隙明 | <i>Thiên long nhất khích minh.</i> |
| 傍搜懸石乳 | <i>Bàng sưu huyền thạch nhũ,</i>   |
| 策杖到深坑 | <i>Sách trượng đáo thâm khanh.</i> |

Dịch nghĩa:

### **Dấu thật của Tiên ở động thiêng**

Ở bên ngoài cõi hang trắng rể mây,  
 Cửa động Tàng Chân chắn ngang.  
 Các vị thần thiêng châu quanh chỗ vua ngồi,

Hai tướng đại diện nước Chiêm Thành (?)  
 Chuột tiên khảm vào nhiều lớp chen chúc,  
 Rồng trời luồn qua khe hẹp sang.  
 Bên cạnh có thạch nhũ treo,  
 Chổng gậy đi đến hố sâu.

Tạm dịch thơ:

Ngoài cõi trắng mây tụ,  
 Tầng Chân cửa động quanh.  
 Chư thần châu ngự tọa,  
 Hai tướng hiển Chiêm Thành.  
 Tiên thử nhiều tầng khảm,  
 Thiên long một khe sang.  
 Lũng lơ treo thạch nhũ,  
 Chổng gậy đến bên hang.

### BÀI SỐ 18

靈岩洞和荷亭先生元韻

#### *Linh Nham Động họa Hà Đình tiên sinh nguyên vận*

|         |                                                |
|---------|------------------------------------------------|
| 壁上籠紗不計年 | <i>Bích thượng lung sa bất kế niên,</i>        |
| 妙音落落茗香邊 | <i>Diệu âm lạc lạc minh hương biên.</i>        |
| 禪機一悟深蘭若 | <i>Thiền cơ nhất ngộ thâm lan nhĩ,</i>         |
| 詩夢三更寂惘然 | <i>Thi mộng tam canh tịch hủ nhiên.</i>        |
| 塵外霞烟空洒落 | <i>Trần ngoại hà yên không sái lạc,</i>        |
| 客中風雨若鉤連 | <i>Khách trung phong vũ nhược câu liên.</i>    |
| 遠燈耿耿情無那 | <i>Viễn đặng cảnh cảnh tình vô nã,</i>         |
| 長嘯空懷阮子賢 | <i>Trường khiếu không hoài Nguyễn tử hiền.</i> |

Dịch nghĩa:

#### **Động Linh Nham (Họa vận thơ của thầy Hà Đình)<sup>(1)</sup>**

Trên vách cát lồng không biết là bao nhiêu năm rồi,  
 Tiếng kỳ diệu vọng xuống bên hương trà.

<sup>(1)</sup> Hà Đình: tên hiệu của Nguyễn Thuật (1842-1912), người làng Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng, làm quan từ đời Tự Đức đến đời Thành Thái. Bồ chú của BBT.

Một phen giác ngộ cơ thiền trong ngôi chùa vắng,  
 Ba canh giấc mộng thơ phần chấn lên.  
 Ngoài cõi trần, khói ráng lừng lơ dăng mắc,  
 Trong cảnh xa nhà, mưa gió dường như cầm giữ mãi.  
 Ngọn đèn xa sáng hiu hắt, tình không nguôi;  
 Than thở dài luống nhớ thầy Nguyễn hiền.

Tạm dịch thơ:

Vách động cát lồng bao thuở qua,  
 Tiếng vang kỳ diệu quyện hương trà.  
 Thiền cơ chợt ngộ nơi sâu thẳm,  
 Thi mộng đêm khuya bỗng vỡ òa.  
 Khói ráng cõi trần lơ lửng phủ,  
 Gió mưa tình khách trễ tràng ra.  
 Đèn tàn hiu hắt buồn man mác,  
 Bỗng nhớ kêu dài bạn chốn xa.

## BÀI SỐ 19

抵廣南城

### *Đề Quảng Nam thành*

|         |                                     |
|---------|-------------------------------------|
| 永奠河邊泊夜涼 | Vĩnh Điện hà biên bạc dạ lương,     |
| 板橋茅店碧燈荒 | Bản kiều mao điểm bích đăng hoang.  |
| 劇談却忘新爲客 | Kịch đàm khước vông tân vi khách,   |
| 殊語方知遠去鄉 | Thù ngữ phương tri viễn khứ hương.  |
| 知識一人黃有抗 | Tri thức nhất nhân Huỳnh Hữu Kháng, |
| 交遊四海葉成娼 | Giao du tứ hải Diệp Thành Xương.    |
| 公門未謁先諮訪 | Công môn vị yết tiên tư phỏng,      |
| 好古無如我价堂 | Hiếu cổ vô như ngã giới đường.      |

Dịch nghĩa:

### **Ở lại tại thành Quảng Nam [Qua Thành]**

Bên bờ sông Vĩnh Điện, đậu thuyền trong đêm mát lạnh;  
 Cầu ván, điểm tranh, cây đèn xanh hiu hắt.  
 Chuyện trò mãi đến nỗi quên cả mình mới làm khách,

Nói ra mới biết đã xa cách quê hương.  
 Biết được có một người tên Huỳnh Hữu Kháng,  
 Chơi thân bốn biển với Diệp Thành Xương.  
 Cửa công chưa đến gặp, trước xin hỏi thăm,  
 Ưa thích chuyện xưa không ai như người nhà tôi.

Tạm dịch thơ:

Vĩnh Điện ghé thuyền neo bến lạnh,  
 Điểm tranh cầu ván ngọn đèn sương.  
 Chuyện rôm quen mắt đang thân khách,  
 Nói rõ hay ra cách cố hương.  
 Tri thức một người Huỳnh Hữu Kháng,  
 Giao du bốn biển Diệp Thành Xương.  
 Cửa công chưa gặp hỏi thăm trước,  
 Hiếu cô ai như chính bản đường.

### BÀI SỐ 20

寄書漫興

#### *Ký thư mạn hứng*

|         |                                           |
|---------|-------------------------------------------|
| 一別京花半月纔 | <i>Nhất biệt kinh hoa bán nguyệt tài,</i> |
| 逢人信手寄書回 | <i>Phùng nhân tín thủ ký thư hồi.</i>     |
| 燈前喜躍忙粘去 | <i>Đăng tiền hỷ dục mang niêm khứ,</i>    |
| 忘却中間數字來 | <i>Vong khước trung gian số tự lai.</i>   |

Dịch nghĩa:

#### **Gởi thư nói chuyện lan man**

Từ khi rời kinh thành, chốc đã nửa tháng rồi;  
 Gặp người đáng tin cậy, mới tự tay viết thư về.  
 Trước đèn, vui mừng nhảy nhót khi phong thư chuyển đi,  
 Quên rằng trong khoảng thời gian nữa sẽ có vài chữ đưa đến.

Tạm dịch thơ:

Tạm biệt kinh thành nửa tháng qua,  
 Gặp người tin cậy viết thư ra.  
 Trước đèn nhảy nhót mừng vừa gởi,  
 Trong khoảng gần đây có chữ nhà.

## BÀI SỐ 21

贈兵曹阮奎

### *Tặng Binh tào Nguyễn Khuê<sup>(1)</sup>*

|         |                                                                       |
|---------|-----------------------------------------------------------------------|
| 騎鶴腰纏未是珍 | <i>Kỵ hạc yêu triền vị thị trân,</i>                                  |
| 九洲三島眼中人 | <i>Cửu châu tam đảo nhãn trung nhân.</i>                              |
| 路經葱嶺風光好 | <i>Lộ kinh Thông Lĩnh<sup>(2)</sup> phong quang hảo,</i>              |
| 城入瓜州世界新 | <i>Thành nhập Qua Châu<sup>(3)</sup> thế giới tân.</i>                |
| 藩署乘閒交涉簡 | <i>Phiên thự<sup>(4)</sup> thừa nhàn giao thiệp giản,</i>             |
| 春曹見性慣情真 | <i>Xuân tào<sup>(5)</sup> kiến tính<sup>(6)</sup> quán tình chân.</i> |
| 二十餘載同窗友 | <i>Nhị thâm dư tải đồng song hữu,</i>                                 |
| 萍水他鄉分外親 | <i>Bình thủy tha hương phận ngoại thân.</i>                           |

Dịch nghĩa:

### **Tặng ông Nguyễn Khuê làm việc ở Binh tào**

Cỡi hạc ngồi một bên lưng chưa đủ quý,  
 Chín châu ba đảo ở trong mắt của người.  
 Con đường trải qua Thông Lĩnh, cảnh trí tuyệt đẹp;  
 Vào thành Qua Châu (Quảng Nam), một cõi mới mẻ.  
 Ở công thự Phiên ty nhàn rồi, việc giao thiệp đơn giản;  
 Ở Lễ tào, giữ trọn tính mình, tình quen chân thật.  
 Hơn hai mươi năm là bạn đồng song,  
 Bèo nước xa quê thân thiết với nhau ngoài phận bà con.

- (1) Nguyên chú: 以七品銜兼理兵禮二曹長 阮 奎 *Thất phẩm hàm kiêm lý Binh Lễ nhị Tào trưởng* (Lấy hàm thất phẩm kiêm làm thủ trưởng hai tào Binh, Lễ).
- (2) Thông Lĩnh: tức Thông Sơn, *Đại Nam nhất thống chí* ghi “Thông Sơn, tục danh Hòn Hành”, nằm nhô ra biển che chắn trước vịnh Nam Chơn, Đà Nẵng. Năm 1823, vua Minh Mạng cho đổi tên núi Thông Sơn thành núi Định Hải, xây pháo đài ở đó gọi là pháo đài Định Hải. Bỏ chú của BBT.
- (3) Qua Châu: tức làng La Qua, thành tỉnh Quảng Nam thời Nguyễn xây ở đây, nên gọi là Qua Thành.
- (4) Phiên thự: hay Phiên ty, cơ quan Bố chính sứ ty của một tỉnh, chỉ chức Bố chính sứ (gọi tắt Phiên sứ) đứng đầu, giữ việc hành chánh dân sự (Niết ty hay Niết thự là cơ quan Án sát sứ ty, có chức Án sát sứ hay Niết sứ đứng đầu, coi việc tư pháp). Viên Tuần phủ (hay Tuần vũ) coi chung, lo “tuyên bố đức hóa của triều đình”.
- (5) Xuân tào: cơ quan thuộc Phiên ty, coi việc nghi lễ của tỉnh (Bộ Lễ gọi là Xuân thự).
- (6) Kiến tính: từ nhà Phật. Thấy được tự tính (tánh) của chính mình, thấy được bản thể vốn chân thực, trong lặng của chính mình, cũng tức là thấy Phật, cái tướng thực của muôn pháp; đó là kết thúc của một quá trình “tâm học” bền bỉ, lâu dài gồm giới (giữ các điều răn), định (giữ yên thân tâm), tuệ (hiểu rõ mọi điều) để giải ngộ (phản giác) và chứng ngộ (toàn giác).

Tạm dịch thơ:

Cõi hạc bên lưng chứa quý trân,  
Chín châu ba đảo mắt quen dần.  
Đường ngang Thông Lĩnh phong quang đẹp,  
Thành tới Qua Châu thế giới tân.  
Phiên thụ thừa nhân giao thiệp dễ,  
Lễ tào quen giữ tính tình chân.  
Hai mươi năm lẻ vui làm bạn,  
Bèo nước xa quê lạ cũng thân.

## BÀI SỐ 22

柴江

*Sài Giang<sup>(1)</sup>*

|         |                                                        |
|---------|--------------------------------------------------------|
| 瓜城南下奠盤津 | <i>Qua Thành nam hạ Điện Bàn tân,</i>                  |
| 一望長江景色新 | <i>Nhất vọng trường giang cảnh sắc tân.</i>            |
| 沙陷成川驚閱世 | <i>Sa hãm thành xuyên kinh duyệt thế,</i>              |
| 水流如沸苦杭人 | <i>Thủy lưu như phát khổ hàng nhân.</i>                |
| 寒燈小店秋沽酒 | <i>Hàn đăng tiểu điểm thu cô tửu,</i>                  |
| 碧嶂歸帆曉鬻薪 | <i>Bích chướng quy phàm hiếu chúc tân.</i>             |
| 見說今年官長好 | <i>Kiến thuyết kim niên quan trưởng hảo,</i>           |
| 冰心迴絕似清淪 | <i>Băng tâm<sup>(2)</sup> hồi tuyệt tự thanh luân.</i> |

Dịch nghĩa:

## Sông Chợ Củi

Từ Qua Thành xuống phía nam đến bên Điện Bàn,  
Ngắm trông con sông dài, cảnh quan mới mẻ.  
Cát tụ thành sông, khiến kẻ trải đời phải sợ hãi;  
Nước chảy như sôi, làm khốn khổ người qua sông.

<sup>(1)</sup> Tức sông Chợ Củi, năm Tự Đức thứ 3 (1850) đổi tên thành sông Sài Thị và liệt vào hàng sông lớn, ghi vào điển thờ. ĐNNTC, sđd, tập 2, tr 359-361. Bỏ chú của BBT.

<sup>(2)</sup> Băng tâm: tấm lòng trong sạch và trắng tinh như băng, chỉ tình bạn. Vương Xương Linh thời Đường có bài thơ 芙蓉樓送辛漸 *Phù Dung lâu tống Tân Tiệm* (Đưa tiễn Tân Tiệm ở lầu Phù Dung): 寒雨連江夜入吳 / 平明送客楚山孤 / 洛陽親友如相問 / 一片冰心在玉壺 *Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô / Bình minh tống khách Sở sơn cô / Lạc Dương thân hữu như tương vấn / Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ* (Mưa lạnh đầy tối đến Ngô / Bình minh đưa khách núi đơn cô / Lạc Dương bè bạn như thăm hỏi / Một tấm lòng băng đáy ngọc hồ).

Ngon đèn lạnh, nhà trọ nhỏ, rượu mùa thu;  
Núi xanh biếc, cánh bướm về, cháo buổi sáng.  
Nghe nói năm nay, vị trưởng quan tốt;  
Tắm lòng băng tuyết vời như nước trong.

Tạm dịch thơ:

Qua Thành nam xuống Điện Bàn đây,  
Trông cảnh sông dài mới mẻ thay.  
Cát tụ thành dòng người sợ hãi,  
Nước sôi như nấu khách loay hoay.  
Điểm nhỏ đèn tàn, thu chuốc rượu,  
Núi xanh bướm lộng, sớm ăn chay.  
Năm nay nghe nói quan đầu tốt,  
Vời tuyết lòng băng tựa nước đầy.

### BÀI SỐ 23

會安示成昌

#### *Hội An thị Thành Xương*

|         |                                                            |
|---------|------------------------------------------------------------|
| 好是青霞又問津 | <i>Hảo thị Thanh Hà hựu vấn tân,</i>                       |
| 橋過來遠半明人 | <i>Kiều qua Lai Viễn<sup>(1)</sup> bán Minh nhân.</i>      |
| 范蠡去國遊應遍 | <i>Phạm Lãi<sup>(2)</sup> khứ quốc du ưng biến,</i>        |
| 阮肇還鄉跡已陳 | <i>Nguyễn Triệu<sup>(3)</sup> hoàn hương tích dĩ trần.</i> |
| 豪縱家風飴沃釜 | <i>Hào túng gia phong di ốc phủ,</i>                       |

<sup>(1)</sup> Lai Viễn: tên cầu ở Hội An (Quảng Nam).

<sup>(2)</sup> Phạm Lãi: Đại thần nước Việt thời Xuân Thu, sinh ở đất Uyển nước Sở (nay huyện Nam Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc), làm quan đại phu nước Việt. Khi nước Việt bị vua nước Ngô là Phù Sai thôn tính, vua Việt là Câu Tiễn phải sang Ngô làm con tin, Phạm Lãi đi theo, dùng mưu để Ngô vương thả Câu Tiễn về, rồi giúp vua ngấm ngầm chinh đồn nội chính, “mười năm sản xuất tích trữ, mười năm huấn luyện sĩ tốt”, chờ cơ hội khôi phục. Phạm Lãi còn tìm được cô gái đẹp Tây Thi dâng cho Phù Sai để vua Ngô mê nhan sắc mà sao nhãng việc nước, giết mưu thần (Ngũ Tử Tư). Cuối cùng, Việt vương cũng đánh bại Ngô vương. Phạm Lãi lập công lớn, nhưng bỏ chức mà đi mai danh ẩn tích, đến vùng Ngũ Hồ, đổi tên Đào Chu, buôn bán sinh nhai...

<sup>(3)</sup> Nguyễn Triệu: chuyện cổ tích, năm Vĩnh Bình 5 (62) thời Hán, Nguyễn Triệu cùng bạn là Lưu Thần đi hái thuốc ở núi Thiên Thai, lạc vào động tiên bên bờ một con suối lớn, kết duyên cùng tiên nữ. Sau nửa năm, hai chàng nhớ quê, xin về thăm. Đến nơi, thấy xóm làng đổi khác, nhà cửa cũ không còn, bà con bạn bè cũng chẳng thấy ai. Hỏi thăm mãi, một cụ già mới kể có ông tổ bảy đời vào núi hái thuốc rồi mất tích. Hai chàng biết mình đã bị lạc vào cảnh tiên, bơ vơ buồn bã, tìm lại nơi cũ thì không thấy gì nữa (núi Thiên Thai ở Thái Châu, nay ở về phía bắc huyện Thiên Thai, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc; núi cao và đẹp, có nhiều danh thắng, cổ tích, như quán Đồng Bách, chùa Vạn Niên, khe Đào Nguyên...).

|         |                                                  |
|---------|--------------------------------------------------|
| 富饒土著桂堆薪 | <i>Phủ nhiều thổ trước quế đôi tân.</i>          |
| 伏波祠下深追憶 | <i>Phục Ba<sup>(1)</sup> từ hạ thâm truy ức,</i> |
| 銅柱分疆古漢臣 | <i>Đồng trụ phân cương cổ Hán thần.</i>          |

Dịch nghĩa:

### **Ở Hội An, nhắc bảo cho Thành Xương**

Thanh Hà là nơi tốt đẹp, lại hay học hỏi;  
 Qua cầu Lai Viễn, người Minh Hương chiếm hết nửa phần.  
 Phạm Lãi bỏ nước mà đi chơi khắp nơi,  
 Nguyễn Triệu trở về quê hương, dấu vết đã bày ra.  
 Nếp nhà hào phóng để lại tài sản dồi dào,  
 Đất đai giàu có đôi quế như củi.  
 Rất nhớ đến dưới đền thờ Phục Ba [Mã Viện],  
 Bề tôi nhà Hán xưa trồng cột đồng phân chia cương giới.

Tạm dịch thơ:

Ông ở Thanh Hà hay học hỏi,  
 Qua cầu Lai Viễn nửa Minh nhân.  
 Đào Chu bỏ nước dong chơi khắp,  
 Nguyễn Triệu về quê để dấu chân.  
 Đất ruộng phì nhiêu đôi củi quế,  
 Nếp nhà hào phóng của đầy sân.  
 Dưới đền Mã Viện nên ghi nhớ,  
 Đồng trụ phân cương cổ Hán thần.

### **BÀI SỐ 24**

福林寺

### ***Phúc Lâm tự***

|         |                                            |
|---------|--------------------------------------------|
| 晴沙如雪路茫茫 | <i>Tình sa như tuyết lộ mang mang,</i>     |
| 善友提攜到上方 | <i>Thiện hữu đề huê đảo thượng phương.</i> |
| 僧擁白雲閒着院 | <i>Tăng ủng bạch vân nhàn khán viện,</i>   |

<sup>(1)</sup> Phục Ba: hiệu của Mã Viện (14 TCN-49 SCN), danh tướng đầu triều Đông Hán, người đất Mậu Lăng, Phú Phong (nay thuộc huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc), giúp Lưu Tú diệt Vương Mãng khôi phục nhà Hán, lại bình định loạn lạc, dẹp yên vùng Man Khê. Năm 41, Mã Viện sang Giao Chỉ đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, dựng cột đồng để phân định giới hạn Nam, Bắc. Cột đồng nay không rõ ở đâu, có thực hay bịa đặt.



|         |                                              |
|---------|----------------------------------------------|
| 童收紅葉靜依廊 | <i>Đồng thu hồng diệp tĩnh y lang.</i>       |
| 禪心妙蘊乾坤大 | <i>Thiền tâm diệu uẩn càn khôn đại,</i>      |
| 宸翰高爭日月光 | <i>Thần hãn cao tranh nhật nguyệt quang.</i> |
| 京邸當年相識久 | <i>Kinh đô đương niên tương thức cửu,</i>    |
| 未容揮手訪龍岡 | <i>Vị dung ấp thủ phỏng Long Cương.</i>      |

Dịch nghĩa:

### Chùa Phúc Lâm

Bãi cát tạnh ráo như tuyết, con đường xa mênh mang;  
 Bạn lành dắt nhau đến thượng phương [chùa Phật, quán Đạo].  
 Ông sư trùm mây trắng, thông thả coi giữ viện chùa;  
 Chú bé thu nhật lá hồng, yên lặng dựa vào hành lang.  
 Tâm thiền chứa chứa điều mầu nhiệm, lớn lao như trời đất;  
 Ngọn bút đua nhau vươn cao, sáng như mặt trời mặt trăng.  
 Năm ấy chốn kinh đô, quen biết nhau đã lâu;  
 Mà chưa từng nắm tay hỏi thăm Long Cương.

Tạm dịch thơ:

Cát phơi như tuyết lối mênh mang,  
 Bạn tốt dìu nhau đến đạo tràng.  
 Mây trắng sư ôm nhàn giữ viện,  
 Lá hồng trẻ nhật đứng nương lang.  
 Tâm thiền chứa diệu trời đất lớn,  
 Ngọn bút đua cao nhật nguyệt quang.  
 Kinh đô năm xưa quen biết lắm,  
 Chưa từng tay nắm viếng Long Cang.

### BÀI SỐ 25

贈葉用楫以小集爲先

*Tặng Diệp,<sup>(1)</sup> dụng tiếp dĩ tiểu tập vi tiên<sup>(2)</sup>*

|         |                                        |
|---------|----------------------------------------|
| 南遊何限楚蘭情 | <i>Nam du hà hạn Sở lan tình,</i>      |
| 四海文章足弟兄 | <i>Tứ hải văn chương túc đệ huynh.</i> |

<sup>(1)</sup> Diệp có thể là Diệp Thành Xương, người Minh Hương ở Hội An, giao du với các danh sĩ Việt và người Hoa ở Hương Cảng. Nhân vật này còn được nhắc đến trong các bài số 19, 23, 33. Bỏ chú của BBT.

<sup>(2)</sup> Cụm từ này chúng tôi không rõ nghĩa là gì?

自媿琮瑰無以贈      Tự quý quỳnh khôi vô dĩ tặng,  
數篇梔蠟到羊城      Số thiên chi lập đảo Dương Thành.

Dịch nghĩa:

### Tặng Diệp (...)

Đi chơi phía nam, có hạn gì cái tình Sở lan (hay: hoa lan nước Sở),  
Văn chương bốn bề đủ để kết làm anh em.  
Tự thẹn mình không có châu ngọc để tặng,  
Vài bài tâm thường [như cây dành dành, sáo] đem đến Dương Thành.

Tạm dịch thơ:

Nam du nào hạn Sở lan tình,  
Bốn bề văn chương em với anh.  
Tự thẹn mình không châu ngọc tặng,  
Vài bài thơ vụng đến Dương Thành.

### BÀI SỐ 26

疊前韻留東(東)

### Diệp tiền vận lưu đông (giản)<sup>(1)</sup>

久客深知地主情      Cửu khách thâm tri địa chủ tình,  
君家難弟亦難兄      Quân gia nan đệ diệc nan huynh.  
子高好畫談方劇      Tử Cao hiếu họa đàm phương kịch,  
未見真龍返趙城      Vị kiến chân long phản Triệu Thành.<sup>(2)</sup>

Dịch nghĩa:

### Lặp lại vận bài trước, để lại miền đông (?)

Làm khách lâu dài, biết rõ tình cảm của chủ đất này,  
Nhà bác có hai anh em sinh đôi (khó em khó anh).  
Tử Cao thích vẽ và luôn nói về đạo (Phật, Tiên),  
Chưa thấy rồng thật quay về Triệu Thành.

<sup>(1)</sup> Nguyên văn viết chữ 東 đông nhưng có thể đọc [lưu] giản 東, lưu giản nghĩa là gọi lại cho bạn.

<sup>(2)</sup> Nguyên chú: 辰用揖示以香港圖恨不得同遊因而返棹故云 Thời dụng tiếp thị dĩ Hương Cảng đồ, hận bất đắc đồng du nhân nhi phản trạo cố vân (Bấy giờ dùng mách chèo bảo lấy bản đồ Hương Cảng (?), giận không được cùng đi chơi, nhân quay chèo về nên nói như vậy).

Tạm dịch thơ:

Khách lâu biết rõ chủ ân tình,  
Nhà bác khó em lại khó anh.  
Tử Cao thích vẽ, bàn Tiên Phật,  
Chưa thấy chân long lại Triệu Thành.

### BÀI SỐ 27

中秋前二日瓜城玩月

#### *Trung Thu tiền nhị nhật Qua Thành ngoạn nguyệt*

|         |                                                  |
|---------|--------------------------------------------------|
| 月未中秋強借光 | Nguyệt vị Trung Thu cường tá quang,              |
| 無詩無酒不成觴 | Vô thi vô tửu bất thành thương.                  |
| 年來陶令情偏淡 | Niên lai Đào lệnh <sup>(1)</sup> tình thiên đạm, |
| 異地誰知菊亦黃 | Dị địa thùy tri cúc diệc hoàng.                  |

Dịch nghĩa:

#### **Trước Trung Thu hai ngày, chơi trăng ở Qua Thành**

Trăng chưa đến Trung Thu, gượng mượn ánh sáng;  
Không thơ, không rượu, chẳng thành cuộc rượu.  
Năm tới, tình ông Huyện lệnh Đào Tiềm có phần nhạt nhẽo;  
Ở đất khách, ai biết hoa cúc cũng thơm.

Tạm dịch thơ:

Trăng chưa Trung Thu mượn gượng chơi,  
Không thơ không rượu chẳng ai mời.  
Đào công năm tới tình sông nhạt,  
Đất khách nào hay cúc cũng tươi.

### BÀI SỐ 28

中秋玩月

#### *Trung Thu ngoạn nguyệt*

|         |                                  |
|---------|----------------------------------|
| 詩滿南樓酒滿城 | Thi mãn Nam lâu tửu mãn thành,   |
| 幾家簫管譜升平 | Kỷ gia tiêu quản phổ thăng bình. |

<sup>(1)</sup> Tức Đào Tiềm (? - 427), nhà thơ, người Giang Tây, Trung Quốc. Ông có thời gian làm Huyện lệnh Bành Trách, được 80 ngày thì trả ấn từ quan, vì không chịu được cảnh “công lưng, vòng tay” thờ bộn tiểu nhân, rồi làm bài thơ “Quy khứ lai từ” nổi tiếng. Bỏ chú của BBT.

|         |                                             |
|---------|---------------------------------------------|
| 秋欺旅夜夢先冷 | <i>Thu khi lữ dạ mộng tiên lãnh,</i>        |
| 月向他鄉愁倍明 | <i>Nguyệt hướng tha hương sầu bội minh.</i> |
| 官長喜多曾識面 | <i>Quan trưởng hỷ đa từng thức diện,</i>    |
| 主翁況又故交情 | <i>Chủ ông huống hựu cố giao tình.</i>      |
| 耽山愛水應長住 | <i>Đam sơn ái thủy ưng trường trú,</i>      |
| 泛渚何須遠憶宏 | <i>Phiếm chử hà tu viễn ức hoành.</i>       |

Dịch nghĩa:

### **Chơi trăng đêm Trung Thu**

Thơ đầy lầu Nam, rượu khắp thành;  
 Vài nhà đàn sáo ca ngợi cảnh trăng bình.  
 Mùa thu coi thường đêm xa nhà, mộng đã lạnh trước;  
 Trăng hướng về kẻ xa quê, buồn càng sáng thêm.  
 Vị trưởng quan rất vui đã từng biết mặt,  
 Huống nữa ông chủ lại là bạn quen cũ.  
 Mê núi yêu sông, muốn ở lại lâu dài,  
 Dong chơi trên ao hồ sao nên nhớ nghĩ xa xôi.

Tạm dịch thơ:

Thơ khắp lầu Nam, rượu khắp thành,  
 Vài nhà đàn sáo ngợi trăng bình.  
 Thu về lữ dạ cơn mơ lạnh,  
 Trăng dọi tha hương ánh sáng thanh.  
 Quan trưởng vui mừng từng gặp mặt,  
 Chủ ông huống nữa đã quen tình.  
 Mê non thích nước lâu dài ở,  
 Chơi phiếm sao nên nhớ nghĩ quanh.

### **BÀI SỐ 29-31**

城樓步月三首

### ***Thành lầu bộ nguyệt tam thủ***

|         |                                              |
|---------|----------------------------------------------|
| 香飄桂子小筵開 | <i>Hương phiêu quế tử tiểu diên khai,</i>    |
| 笑指仙槎上古臺 | <i>Tiểu chỉ tiên tra thượng cổ đài.</i>      |
| 一夜望鄉空見月 | <i>Nhất dạ vọng hương không kiến nguyệt,</i> |
| 寒光分照故人杯 | <i>Hàn quang phân chiếu cố nhân bôi.</i>     |

\* \* \*

\* \* \*

女牆月好挾秋登  
倚遍樓頭苦憶朋  
此夕愛州曾作客  
群兒家燕滿街燈

\* \* \*

風自清高月自明  
老來添得異鄉情  
依然淪茗龍山夜  
只欠談禪一兩聲

Nữ tường nguyệt hảo hiệp thu đăng,  
Ỗ biến lâu đầu khổ ức bằng.  
Thử tịch Ái Châu từng tác khách,  
Quần nhi gia yến mãn nhai đăng.

\* \* \*

Phong tự thanh cao nguyệt tự minh,  
Lão lai thêm đắc dị hương tình.  
Y nhiên thược minh Long Sơn dạ,  
Chỉ kiếm đàm thiền nhất lưỡng thanh.

Dịch nghĩa:

### Trên lầu thành, đi dưới trăng (Ba bài)

Mùi thơm hoa quế phảng phất, mở bữa tiệc nhỏ;  
Cười trở chiếc bè tiên, đi lên đài cổ.  
Suốt đêm trông về quê hương, chỉ thấy trăng;  
Ánh sáng lạnh lẽo chia ra dọi vào chén rượu bạn cũ.

\* \* \*

Bức tường thấp, ánh trăng đẹp cùng với ngọn đèn mùa thu;  
Đứng dựa bên lầu nhớ bạn tha thiết.  
Ngày ấy ở Ái Châu (Thanh Hóa) từng làm khách,  
Trẻ con dự tiệc trong nhà, khắp đường phố treo đầy đèn.

\* \* \*

Gió vẫn mát mẻ lòng lộng, trăng vẫn sáng vàng vạc;  
Tuổi già đến, lại thêm cái tình xa quê hương.  
Nhớ như in buổi nấu trà đêm ở Long Sơn,  
Chỉ thiếu một vài tiếng bàn về thiền học.

Tạm dịch thơ:

Thơm lừng hoa quế, vầy cuộc yến,  
Cười trở bè tiên, đến cổ đài.  
Suốt tối trông quê, trăng một mảnh;  
Hàn quang chia nửa dọi nhà ai.

\* \* \*

Tường thấp đèn thu bóng nguyệt xinh,  
 Dưa lâu nhớ bạn thiết tha tình.  
 Ái Châu thừa trước từng làm khách,  
 Đám trẻ tiệc nhà, đèn phố quanh.

\* \* \*

Văng vặc trăng soi lồng lộng gió,  
 Tuổi già thêm nổi ở quê người.  
 Long Sơn nhớ rõ trà đêm nấu,  
 Chỉ thiếu thiên cơ nói mấy lời.

### BÀI SỐ 32

旅中對月

#### *Lữ trung đối nguyệt*

|         |                                          |
|---------|------------------------------------------|
| 長夜無譁客思孤 | <i>Trường dạ vô hoa khách tứ cô,</i>     |
| 月光如水夢模糊 | <i>Nguyệt quang như thủy mộng mờ hồ.</i> |
| 閉城却似村居僻 | <i>Bế thành khước tự thôn cư tịch,</i>   |
| 唯有春歌聽稍殊 | <i>Duy hữu thung ca thính sảo thù.</i>   |

Dịch nghĩa:

#### **Ngắm trăng nơi đất khách**

Đêm dài, không có tiếng ồn ào, ý khách cô đơn;  
 Ánh sáng trăng như nước, mơ màng đâu đâu.  
 Thành đóng cửa giống như ở làng xóm hẻo lánh,  
 Chỉ hơi khác ở chỗ không nghe tiếng hò giã gạo.

Tạm dịch thơ:

Vắng lặng đêm khuya, tứ khách cô;  
 Trăng trong như nước, mộng mơ hồ.  
 Trong thành cửa đóng đường thôn tịch,  
 Chỉ khác không nghe giã gạo hò.

### BÀI SỐ 33

和成昌中秋坐月元韻却寄竹川

**Họa Thành Xương “Trung Thu tọa nguyệt” nguyên vận  
khước ký Trúc Xuyên**

|         |                                       |
|---------|---------------------------------------|
| 秋水長天碧一痕 | Thu thủy trường thiên bích nhất ngân, |
| 南樓遺韻可重論 | Nam lâu di vận khả trùng luân.        |
| 香江此夕應攜謝 | Hương Giang thử tịch ưng h携 tạ,       |
| 曾否陶莊憶笑言 | Tằng phủ Đào Trang ức tiếu ngôn.      |

Dịch nghĩa:

**Họa nguyên vận bài “Đêm Trung Thu ngồi dưới trăng”  
của Thành Xương, gửi cho Trúc Xuyên**

Nước sông mùa thu, trời dài một làn xanh biếc;  
Để lại vần thơ ở lầu Nam có thể đem ra bàn luận mãi.  
Đêm hôm ấy ở Sông Hương đã muốn chấp tay cảm ơn,  
Có từng nhớ không lúc cười nói ở Đào Trang.

Tạm dịch thơ:

Trời rộng sông thu sắc biếc lòng,  
Lầu Nam thơ để đáng bàn thông.  
Sông Hương đêm ấy toan đa tạ,  
Cười nói Đào Trang có nhớ không.

### BÀI SỐ 34

念二日漫興

**Niệm nhị nhật mạn hứng**

|         |                                                  |
|---------|--------------------------------------------------|
| 一自裁書遠寄將 | Nhất tự tài thư viễn ký tương,                   |
| 今朝屈指到家鄉 | Kim triêu khuất chỉ đáo gia hương.               |
| 孤山鶴舞梅花笑 | Cô sơn hạc vũ mai hoa tiếu,                      |
| 共道林逋洵小康 | Cộng đạo lâm bồ khát tiểu khương. <sup>(1)</sup> |

<sup>(1)</sup> Khát tiểu khương: mong được chút bình yên (chữ “khát” cũng đọc “hát”, “ngật”). *Thi kinh, Đại nhã*, thiên *Sinh dân*: 民亦勞止/汔可小康 *Dân diệc lai chỉ / Khát khả tiểu khương* (Nhân dân khó nhọc / Mong được yên lành).

Tạm dịch:

### Nhớ cảm hứng lan man ngày mùng Hai

Từ khi viết bức thư đem gởi đi xa,  
Đến sáng nay co ngón tay [đếm từng ngày] thì đã đến quê nhà rồi.  
Ngọn núi lẻ loi, hạc múa, hoa mai cười;  
Người ta đều nói kẻ chạy vạy trong rừng mong được yên lành.

Tạm dịch thơ:

Từ ngày thư viết gởi đem ra,  
Tính đến hôm nay đã tới nhà.  
Núi quạnh mai cười cùng hạc múa,  
Dân rừng nghe nói muốn yên mà.

### BÀI SỐ 35

南福驛小住

#### *Nam Phước dịch tiểu trú*

|         |                                                      |
|---------|------------------------------------------------------|
| 舟車連日會安回 | <i>Chu xa liên nhật Hội An hồi,</i>                  |
| 誰料孤亭此度來 | <i>Thùy liệu Cô đình thử độ lai.</i>                 |
| 爲把嵇康尋小阮 | <i>Vì bả Kê Khang<sup>(1)</sup> tầm Tiểu Nguyễn,</i> |
| 斜陽疏雨小遲徊 | <i>Tà dương sơ vũ tiểu trì hồi.</i>                  |

Dịch nghĩa:

#### **Ở tạm tại trạm Nam Phước**

Đi dò đi xe liền hai ngày trở về Hội An,  
Ai tính liệu được lần ấy đến Cô đình.  
Xin để Kê Khang tìm Tiểu Nguyễn,  
Mặt trời về chiều, mưa rải rắc, ở rón lại chốc lát.

Tạm dịch thơ:

Đò xe suốt buổi về Hoài phố,  
Ai tính lần này tới Cô đài.

<sup>(1)</sup> Kê Khang: một trong Trúc Lâm thất hiền thời nhà Tấn. Bảy người bạn là Kê Khang, Trần Hựu, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hưởng Tú, Lưu Linh, Vương Nhung, thường họp nhau tại rừng trúc, nói chuyện "Thanh đàm" (không liên quan đến chính trị, thời cuộc). Trong số đó, Kê Khang là người hay thơ, giỏi đàn, làm khúc *Quảng Lăng tán* nổi tiếng. *Truyện Kiều*: Kê Khang này khúc *Quảng Lăng*/ Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân.



Xin giúp Kê Khang tìm Tiểu Nguyễn,  
Trời chiều mưa nhẹ chẳng ngồi dai.

**BÀI SỐ 36**

濰川

**Duy Xuyên**

天涯鄰比總相關  
一个知音日日攀  
百畝荒田忘遠近  
兩行官樹界中間  
難逢北海乘公暇  
爭及東籬好自閒  
多謝故人勞結綬  
詩翁原不負江山

*Thiên nhai lân tỷ tổng tương quan,  
Nhất cá tri âm nhật nhật phan.  
Bách mẫu hoang điền vong viễn cận,  
Lưỡng hàng quan thụ giới trung gian.  
Nan phùng Bắc Hải thừa công hạ,  
Tranh cập đông ly hiếu tự nhàn.  
Đa tạ cố nhân lao kết thụ,  
Thi ông nguyên bất phụ giang sơn.*

Dịch nghĩa:

**Duy Xuyên**

Ở gần nhau nơi góc bể chân trời có quan hệ với nhau,  
Một bạn tri âm ngày ngày đến với nhau.  
Trăm mẫu ruộng hoang quên cả xa gần,  
Hai hàng quan thụ giới hạn ở khoảng giữa.  
Khó gặp ông Bắc Hải nhân rảnh việc công,  
Đua tranh với ông bạn giậu đông về cuộc sống nhàn.  
Rất cảm ơn bạn cũ nhọc nhằn buộc dây ấn,  
Nhà thơ vốn không phụ với núi sông.

Tạm dịch thơ:

Láng giềng góc bể vốn tương quan,  
Một khách tri âm suốt buổi bàn.  
Trăm mẫu ruộng hoang quê viễn cận,  
Hai hàng cây xóm hạn trung gian.  
Khó cùng biển bắc khi công rảnh,  
Dễ sánh rào đông lúc sống nhàn.  
Ơn bạn nhọc xe dây buộc ấn,  
Nhà thơ nào phụ với giang san.

**BÀI SỐ 37**

贈歌兒阿霜

**Tặng ca nhi A Sương**

|         |                                                             |
|---------|-------------------------------------------------------------|
| 絕愛無情是阿霜 | <i>Tuyệt ái vô tình thị A Sương,</i>                        |
| 丈夫巾幗亦何妨 | <i>Trượng phu cân quốc diệc hà phương.</i>                  |
| 劍梢楚雨通眉語 | <i>Kiếm sao Sở vũ thông mi ngữ,</i>                         |
| 扇底秋波轉舌簧 | <i>Phiến đế thu ba chuyển thiệt hoàng.</i>                  |
| 却似鳳樓邀弄玉 | <i>Khước tự Phụng lâu yêu Lộng Ngọc,<sup>(1)</sup></i>      |
| 還同雁塞迎王嬙 | <i>Hoàn đồng Nhạn tái nghênh Vương Tường.<sup>(2)</sup></i> |
| 縱然狂杜無庸笑 | <i>Túng nhiên cuồng Đỗ vô dung tiếu,</i>                    |
| 山木重歌翠被香 | <i>Sơn mộc trùng ca thúy bị hương.</i>                      |

Dịch nghĩa:

**Tặng đào hát A Sương**

Rất mến người thờ ơ là A Sương,  
 Bạc trượng phu và nhi nữ cân quốc thì có hại gì đâu.  
 Mũi gươm mưa Sở thông lời lông mày (?)  
 Đáy quạt sóng thu chuyển động sáo lưỡi (?)  
 Giống như [Tiêu lang] ở lầu Phụng mời Lộng Ngọc,  
 Lại cùng [Thiên vu] ở ải Nhạn đón Vương Tường.  
 Phóng túng như ông Đỗ điên không cười,  
 Cây núi hát hoài trùng mùi thơm thúy bị (?)

Tạm dịch thơ:

Yêu nhất lạnh lòng tính ả Sương,  
 Trượng phu cân quốc hợp nhau thường.  
 Mũi gươm mưa Sở lông mày sắc,  
 Chiếu quạt làn thu ngọn lưỡi đường.  
 Lầu Phụng khác chi mời Lộng Ngọc,

<sup>(1)</sup> Lộng Ngọc: con gái của Tần Mục Công, gả cho Tiêu Sứ. Tiêu Sứ giỏi thổi tiêu (sáo), truyền dạy cho vợ, thành công. Có con chim phụng đỗ đáp xuống đậu bên cổng thành kinh đô, hai vợ chồng cỡi bay lên cõi tiên. Do đó, người ta gọi cửa thành kinh đô là Phụng khuyết.

<sup>(2)</sup> Vương Tường: Nàng họ Vương tên Tường, tự Chiêu Quân, được tuyển vào cung thời Hán Nguyên Đế, sau bị gả cho vua Hung Nô là Thiên vu Hồ Hàn Nha. Khi đi qua ải Nhạn (Nhạn Môn Quan), Vương Tường đàn khúc tỳ bà *Quá quan* diễn tả nỗi lòng nhớ quê hương.

Ài Nhận giống hệt đón Vương Tường.  
 Đỗ cuồng phóng túng không cười chút,  
 Cây núi ca hoài thủy bị hương.

### BÀI SỐ 38

颶風

#### Cụ phong

|         |                                                 |
|---------|-------------------------------------------------|
| 何期廬下寄鴻泥 | Hà kỳ vũ hạ ký hồng nê, <sup>(1)</sup>          |
| 端爲罡風暴雨迷 | Đoan vị cang phong bạo vũ mê.                   |
| 事急茅絢嗟倒屋 | Sự cấp mao đảo ta đảo ốc,                       |
| 計深桑土慎臨堤 | Kế thâm tang thổ thận lâm đề.                   |
| 滿城樹拔休驚訝 | Mãn thành thụ bạt hưu kinh nhạ,                 |
| 四野禾傷倍慘悽 | Tứ dã hòa thương bội thảm thê.                  |
| 官長爲民兼爲國 | Quan trưởng vị dân kiêm vị quốc,                |
| 過門原不管胼胝 | Quá môn <sup>(2)</sup> nguyên bất quản biên đề. |

Dịch nghĩa:

#### Gió to [Bão lớn]

Hồi nào dưới mái nhà, gởi dấu bùn chim hồng;  
 [Đó là] vì gió dữ và mưa to mù mịt cả trời đất.  
 Việc nguy cấp, kêu than dây cỏ đứt khiến nhà đổ;  
 Toan tính sâu xa, đã lấy đất trồng dâu đắp vào chân đề.  
 Khấp thành cây ngã, không sợ hãi nữa,  
 Bốn loại ruộng lúa rạp ngổn ngang trông thê thảm.  
 Viên trưởng quan vừa vì dân vừa vì nước,  
 Đi qua cửa nhà chẳng kể chi vất vả nhọc nhằn.

Tạm dịch thơ:

Thửa nào hồng đến bùn lưu dấu,  
 Gió lớn mưa to trút bốn bề.  
 Dây cỏ buộc hồ xiêu mái rạ,

<sup>(1)</sup> Hồng nê: hay tuyết nê, dấu vết bùn của chim hồng (nhạn, loài vịt trời) trên tuyết; ý nói tuy không thấy chim hồng, nhưng vẫn từng có nó vì đã để lại vết bùn dính ở chân trên mặt tuyết.

<sup>(2)</sup> Quá môn: thời cổ, vua Thuấn sai ông Cỗn trị thủy sông Hoàng Hà thất bại, bị đày, con là ông Vũ được cử thay làm, suốt ba năm tận tụy với công việc, đến nỗi đi qua cửa nhà cũng không ghé thăm, cuối cùng thành công. Vua Thuấn lại sai ông xếp đặt lãnh thổ, rồi truyền ngôi cho, sáng lập nhà Hạ.

Đất dâu vững chắc đắp chân đê.  
 Khắp thành cây đồ thôi kinh hãi,  
 Toàn ruộng lúa hư quá thảm thê.  
 Quan tỉnh giúp dân cùng giúp nước,  
 Cửa nhà qua đó cũng không về.

### BÀI SỐ 39

大水

#### *Đại thủy*

|         |                                            |
|---------|--------------------------------------------|
| 平明日出水滔滔 | <i>Bình minh nhật xuất thủy thao thao,</i> |
| 一葦狂瀾迸入濠 | <i>Nhất vĩ cuồng lan bính nhập hào.</i>    |
| 野郭世雄千里遠 | <i>Dã quách thế hùng thiên lý viễn,</i>    |
| 壘門聲阻數尋高 | <i>Lũy môn thanh trở số tầm cao.</i>       |
| 何憂涸轍迎江待 | <i>Hà ưu hạc triệt nghênh giang đãi,</i>   |
| 正喜修鱗縱壑遭 | <i>Chính hỷ tu lân túng hác tao.</i>       |
| 雨散雲晴風不動 | <i>Vũ tán vân tình phong bất động,</i>     |
| 思波如海潤吟毫 | <i>Tư ba như hải nhuận ngâm hào.</i>       |

Dịch nghĩa:

#### Nước lớn

Trời vừa sáng, mặt trời mọc, nước cuộn cuộn chảy;  
 Một làn sóng dữ tung tóe ập vào hào.  
 Thành quê thế mạnh dài hàng nghìn dặm,  
 Cửa lũy ngăn âm thanh cao đếm mấy tầm.  
 Lo gì vết bánh xe mắc ở bên sông chờ,  
 Chính nên mừng cá gặp lúc vẫy vùng trong hang hóc.  
 Mưa tan, mây tạnh, gió im phăng phắc;  
 Nghĩ sóng như biển ướt đầm ngọn bút thơ.

Tạm dịch thơ:

Bình minh ác mọc nước thao thao,  
 Sóng mạnh tuôn nhanh đổ xuống hào.  
 Thế mạnh thành quê nghìn dặm ngái,  
 Tiếng ngăn cửa lũy mấy tầm cao.

Chớ lo xe đậu chờ bên bãi,  
 Hãy khoái cá vô lội giữa hào.  
 Mưa tạnh mây tan rồi gió lặng,  
 Sóng dâng như biển tứ thơ trào.

## BÀI SỐ 40-48

歸程紀事九首

### Quy trình kỷ sự cứu thủ

- |    |         |                                          |
|----|---------|------------------------------------------|
| 1. | 沱 曩     | <b>Đà Nẵng</b>                           |
|    | 今朝沱汎始登程 | <i>Kim triều Đà tấn thủy đăng trình,</i> |
|    | 屈指家兒已上京 | <i>Khuất chỉ gia nhi dĩ thương Kinh.</i> |
|    | 自出瓜城風難後 | <i>Tự xuất Qua Thành phong nạn hậu,</i>  |
|    | 旅懷鄉思一辰輕 | <i>Lữ hoài hương tứ nhất thần khinh.</i> |

Dịch nghĩa:

### Ghi việc trên đường về (chín bài)

#### 1. Tại Đà Nẵng

Sáng hôm nay, bắt đầu lên đường ở đồn cửa biển Đà Nẵng;  
 Co ngón tay tính vợ con đã lên Kinh thành.  
 Từ sau khi nạn bão rời Qua Thành (thành Quảng Nam),  
 Nỗi niềm xa nhà và nhớ quê cùng lúc nhẹ nhõm.

Tạm dịch thơ:

Lên đường Đà tấn lúc bình minh,  
 Liệu tính con nhà đã đến Kinh.  
 Thuở già Qua Thành khi bão dứt,  
 Nỗi niềm mong nhớ nhẹ tênh tênh.

- |    |         |                                           |
|----|---------|-------------------------------------------|
| 2. | 清 溪     | <b>Thanh Khê</b>                          |
|    | 歸心似箭促裝行 | <i>Quy tâm tự tiễn xúc trang hành,</i>    |
|    | 潦後人家半圯傾 | <i>Lạo hậu nhân gia bán bĩ khuynh.</i>    |
|    | 遍訪前途聞好語 | <i>Biến phỏng tiền đồ văn hảo ngữ,</i>    |
|    | 清溪三日海潮平 | <i>Thanh Khê tam nhật hải triều bình.</i> |

Dịch nghĩa:

### Tại Thanh Khê

Lòng mong về nhà như tên bắn, vội soạn hành trang;  
 Sau trận lũ lụt, con người và nhà cửa xiêu đổ quá nửa.  
 Hỏi thăm khắp con đường phía trước, nghe nói đều tốt đẹp;  
 Ở Thanh Khê ba ngày, nước biển phẳng lặng.

Tạm dịch thơ:

Hành trang sửa soạn ước về ngay,  
 Sau lũ xóm làng xơ xác thay.  
 Thăm hỏi đường đi nghe tốt cả,  
 Thanh Khê biển lặng suốt ba ngày.

### 3. 南和站

### Nam Hòa trạm

|         |                                               |
|---------|-----------------------------------------------|
| 重峦叠嶂海天開 | <i>Trùng loan điệp chương hải thiên khai,</i> |
| 日暮貪程倍道回 | <i>Nhật mộ tham trình bội đạo hồi.</i>        |
| 記得出山風雨夜 | <i>Ký đắc xuất sơn phong vũ dạ,</i>           |
| 而今帶月入山來 | <i>Nhi kim đới nguyệt nhập sơn lai.</i>       |

Dịch nghĩa:

### Ở trạm Nam Hòa

Núi non lớp lớp mở ra vùng trời biển,  
 Trời về chiều, ham đi quãng đường dài cho mau về.  
 Nhớ ra khỏi núi vào đêm mưa gió,  
 Đến nay dưới ánh trăng lại vào miền núi.

Tạm dịch thơ:

Ra khỏi non cao thấy biển trời,  
 Ngày chiều bước gấp chóng về nơi.  
 Nhớ khi rời núi đêm mưa gió,  
 Nay lại vào non trăng sáng ngời.

4.

第二屯

**Đệ nhị đồn**

千家秋潦後  
絕頂望鄉情  
過眼林泉慣  
驚心木石橫  
烟花殊去日  
風雨滯歸程  
應有山靈護  
終朝放好晴

*Thiên gia thu潦 hậu,  
Tuyệt đỉnh vọng hương tình.  
Quá nhãn lâm tuyền quán,  
Kinh tâm mộc thạch hoành.  
Yên hoa thù khứ nhật,  
Phong vũ trệ quy trình.  
Ung hữu sơn linh hộ,  
Chung triêu phóng hảo tình.*

Dịch nghĩa:

**Ở đồn Nhì**

Nghìn nhà sau cơn lụt mùa thu,  
Lòng mong nhớ quê hương lên cao nhất.  
Quen thấy cảnh suối rừng trước mắt,  
Sợ hãi vì cây đá đổ chắn ngang.  
Hoa rụng rở khác với ngày trước,  
Gió mưa ngăn trở đường về.  
Mong được núi thiêng che chở,  
Suốt buổi sáng cho được tạnh ráo đẹp trời.

Tạm dịch thơ:

Nghìn nhà thu lụt dứt,  
Lòng nhớ quê dâng đầy.  
Mắt thấy quen rừng suối,  
Lòng kinh đồ đá cây.  
Hoa tươi màu khác trước,  
Mưa ngại lối về nay.  
Mong được rừng thiêng hộ,  
Trời quang đẹp suốt ngày.

5.

安居

*An Cư<sup>(1)</sup>*

沙捲潮頭白  
 天垂雨脚明  
 曉嵐沉石罅  
 秋樹帶風聲  
 瀑布千尋遠  
 雲羅四面輕  
 高堆今夜渡  
 跂爾望神京

*Sa quển triều đầu bạch,  
 Thiên thủy vũ cước minh.  
 Hiếu lam trầm thạch há,  
 Thu thụ đới phong thanh.  
 Bộc bố thiên tâm viễn,  
 Vân la tứ diện khinh.  
 Cao Đồi kim dạ độ,  
 Kỳ nhĩ vọng Thần Kinh.*

Dịch nghĩa:

**Ở An Cư**

Cát cuốn đầu ngọn sóng trắng,  
 Sau cơn mưa trời trong sáng.  
 Hơi núi buổi sáng sớm len vào khe đá,  
 Cây mùa thu rì rào tiếng gió.  
 Suối đỏ xa hàng nghìn tầm,  
 Mây dăng bốn mặt nhẹ nhàng.  
 Tôi nay đi qua Cao Đồi (Cầu Hai),  
 Trên đường quanh trông gần Thần Kinh.

Tạm dịch thơ:

Sóng vùi làn cát trắng,  
 Mưa tạnh sắc trời trong.  
 Khe đá hơi lam động,  
 Cây thu tiếng gió lòng.  
 Nghìn tầm khe xối xả,  
 Bốn mặt mây bành bồng.  
 Chập tối Cầu Hai vượt,  
 Thần Kinh đã rõ trông.

<sup>(1)</sup> Bốn bài thơ trên là cảnh Quảng Nam, đến đây bắt đầu vào tỉnh Thừa Thiên. Làng An Cư thành lập khoảng cuối thế kỷ XVIII, thuộc tổng An Cư, huyện Phú Lộc, nay là làng An Cư Đông và An Cư Tây thuộc thị trấn Lăng Cô.



6. 葱嶺

**Thông Lĩnh**

秋沁吟懷一笑軒  
胸中山海幾并吞  
晴開巖岫千螺出  
風捲波濤萬馬奔  
水界綠波分日影  
天垂彩虹斷雲根  
紆盤石路臨高處  
回首三台碧一痕

*Thu thám ngâm hoài nhất tiếu hiên,  
Hung trung sơn hải kỷ tinh thôn.  
Tinh khai nham tú thiên loa xuất,  
Phong quyển ba đào vạn mã bồn.  
Thủy giới lục ba phân nhật ảnh,  
Thiên thùy thái hồng đoạn vân căn.  
Vu bàn thạch lộ lâm cao xứ,  
Hồi thủ Tam Thai bích nhất ngân.*

Dịch nghĩa:

**Ở Thông Lĩnh**

Thu thám vào nỗi nhớ nghĩ trong thơ, một tiếng cười sang sảng;  
Đã nuốt ít nhiều núi biển vào trong bụng.  
Trời tạnh ráo hiện rõ ngọn núi hốc đá như nghìn con ốc nhô ra,  
Gió dậy sóng to như muôn con ngựa chạy mau.  
Sông gợn sóng xanh chia bóng mặt trời,  
Trời buông cầu vồng cắt đứt chân mây.  
Đường đá quanh co đến nơi cao,  
Quay đầu lại nhìn thấy Tam Thai là một vệt xanh biếc.

Tạm dịch thơ:

Thu thám vào thơ một tiếng cười,  
Ít nhiều núi biển bụng đầy vui.  
Non cao mây tạnh nghìn sò hiện,  
Gió cuộn sóng đào vạn ngựa bơi.  
Nước gợn sông xanh chia bóng ác,  
Mây ngăn vồng thắm đứt chân trời.  
Quanh co đường đá lên cao ngất,  
Nhìn lại Tam Thai một vệt tươi.

## 7. 象曲

*Tượng Khúc<sup>(1)</sup>*

却憶迴巖景物殊  
 層層飛下路盤紆  
 偶來蠻寨着馴象  
 閒憩郵亭閱蹇驢  
 十里長途開小店  
 四圍列嶂抱平蕪  
 斜陽細雨令重過  
 直抵中安戒僕夫

*Khước ức hồi nham cảnh vật thù,  
 Tầng tầng phi hạ lộ bàn vu.  
 Ngẫu lai man trại khan thuận tượng,  
 Nhân khế bưu đình duyệt kiển lư.  
 Thập lý trường đồ khai tiểu điểm,  
 Tứ vi liệt chương bao bình vu.  
 Tà dương tế vũ linh trùng quá,  
 Trực đế Trung An giới bộc phu.*

Dịch nghĩa:

**Ở Tượng Khúc (đèo Phước Tượng)**

Nhớ đến núi non quanh quất thì cảnh vật đã khác,  
 Tầng tầng lớp lớp bay xuống, con đường vòng vèo.  
 Tình cờ đến chỗ trại dân miền núi xem voi thuần dưỡng,  
 Thông thả nghỉ ngơi ở trạm thư xem lửa què.  
 Đường dài mười dặm thì mở một điểm nhỏ,  
 Núi non bốn phía ôm vùng đồng bằng hoang vu.  
 Ánh nắng xé, làn mưa phùn, khiến lại đi qua;  
 Đến thẳng Trung An, nhắc bảo bác người nhà.

Tạm dịch thơ:

Chợt nhớ núi vòng, quang cảnh khác;  
 Tầng tầng đổ xuống lối đi ngang.  
 Qua làng mán thấy voi thuần tập,  
 Đến trạm thư xem lửa kiển mang.  
 Mười dặm đường dài xây quán nhỏ,  
 Bốn bề núi dựng bọc đồng hoang.  
 Nắng chiều đi dưới mưa phùn nhẹ,  
 Thẳng tới Trung An dặn kỹ càng.

<sup>(1)</sup> Tượng Khúc: làng thành lập khoảng thời chúa Nguyễn với tên Khúc Tượng; sau năm 1570, thuộc tổng Diêm Trường, huyện Phú Vang; sau năm 1835, đổi tên Phước Tượng thuộc tổng An Cư, huyện Phú Lộc; Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, thuộc xã Tân Lộc, huyện Phú Lộc; từ năm 1958, thuộc xã Lộc Trì, quận Phú Lộc; sau năm 1975, thuộc xã Lộc An, huyện Phú Lộc.

8. 安農

*An Nông<sup>(1)</sup>*

|         |                                            |
|---------|--------------------------------------------|
| 天荒地老四無家 | <i>Thiên hoang địa lão tứ vô gia,</i>      |
| 指點承農驛路賒 | <i>Chỉ điểm Thừa Nông dịch lộ xa.</i>      |
| 風雨晦冥忘曉晝 | <i>Phong vũ hối minh vong hiếu trú,</i>    |
| 江湖浩蕩混塵沙 | <i>Giang hồ hạo đãng hỗn trần sa.</i>      |
| 浮生魄落空流梗 | <i>Phù sinh phách lạc không lưu ngạnh,</i> |
| 濱死魂驚屢樣槎 | <i>Tân tử hồn kinh lũy nghi tra.</i>       |
| 誰料長沙成浪住 | <i>Thùy liệu trường sa thành lãng trú,</i> |
| 還添一夜夢京華 | <i>Hoàn thêm nhất dạ mộng kinh hoa.</i>    |

Dịch nghĩa:

**Ở An Nông**

Trời hoang vu, đất cằn cỗi, bốn phía không nhà cửa;  
 Trỏ cho biết đường đến trạm Thừa Nông xa xa.  
 Mưa gió tối tăm quên cả sớm chiều,  
 Sông hồ mênh mông cát bụi lẫn lộn.  
 Đời trôi nổi lạc phách như cành cây giữa dòng,  
 Cái chết ở bờ nước kinh hồn như chiếc bè đến bến (?)  
 Ai tính liệu được bãi cát dài thành nơi trú sóng,  
 Lại thêm một đêm mơ đến kinh thành hoa lệ.

Tạm dịch thơ:

Đất cỗi trời hoang chẳng một nhà,  
 Thừa Nông trỏ tới trạm đường xa.  
 Tối tăm mưa gió mai chiều lẫn,  
 Bát ngát sông hồ bụi cát pha.  
 Tân tử kinh hồn bè cập bến,  
 Phù sinh lạc phách nhánh trôi qua.  
 Trường sa ai biết thành chân sóng,  
 Giác mộng kinh hoa lại nổi mà.

<sup>(1)</sup> An Nông: làng thành lập sau năm 1471, dân gian gọi là làng Nông (đọc trại thành Nong), tên chính thức là Minh Nông, từ năm 1570, đổi tên An Nông, thuộc tổng Sư Lễ, huyện Phú Vang; sau năm 1835, thuộc tổng An Nông, huyện Phú Lộc; sau 1945, thuộc xã Tân Lộc, huyện Phú Lộc; năm 1958, thuộc xã Lộc Bồn, quận Phú Lộc; sau năm 1975, thuộc xã Lộc Bồn, huyện Phú Lộc.

## 9. 清水

*Thanh Thủy<sup>(1)</sup>*

飛下符牌瀚海長  
乘流便道上輕航  
碧連秋水驚風難  
黃浸田禾念歲荒  
群鷺洲前開野色  
兩龍山下落晴光  
官橋笑指家山近  
記取當辰折柳忙

*Phi hạ Phù Bài hãn hải tràng,  
Thừa Lưu tiện đạo thượng khinh hàng.  
Bích liên thu thủy kinh phong nạn,  
Hoàng tẩm điền hòa niệm tuế hoang.  
Quần lộ châu tiền khai dã sắc,  
Lưỡng long sơn hạ lạc tình quang.  
Quan kiều tiếu chỉ gia sơn cận,  
Ký thủ đương thời chiết liễu mang.*

Dịch nghĩa:

**Ở Thanh Thủy**

Bay xuống Phù Bài, biển mênh mông dài;  
Ở trạm Thừa Lưu tiện đường lên thuyền nhẹ.  
Nước thu xanh biếc liên tiếp, sợ nạn gió bão;  
Lúa ruộng vàng úa nghĩ đến năm mất mùa.  
Bầy cò ở trước bãi mở ra miền nông thôn,  
Hai con rồng ở dưới núi nhuộm ánh sáng tạnh ráo.  
Thấy cầu quan, cười trở núi nhà đã gần;  
Nhớ lấy thừa ấy bề cảnh liễu [ra đi].

Tạm dịch thơ:

Bay xuống Phù Bài mênh mông biển,  
Thừa Lưu tiện neo lại lên đò.  
Nước thu xanh biếc e dông bão,  
Lúa ruộng vàng hoe nghĩ mất mùa.  
Đàn vạc trước bờ thôn dã hiện,  
Đôi rồng dưới núi nắng hanh lửa.  
Cầu quan cười trở nhà ta đây,  
Bề liễu ngày nào nhớ lúc đưa.

<sup>(1)</sup> Thanh Thủy: làng thành lập khoảng sau 1471 với tên Thanh Tuyền; sau năm 1570, chia làm hai giáp Thanh Thủy Chánh và Thanh Thủy Thượng; Thanh Thủy Chánh là bộ phận chính của xã, thuộc tổng Sư Lỗ, huyện Phú Vang; sau năm 1835, thuộc tổng Dã Lê, huyện Hương Thủy; về sau, gọi là Thanh Thủy Hạ; sau 1945 thuộc xã Hồng Thủy, huyện Hương Thủy; từ năm 1958, thuộc xã Thủy Thanh, quận Hương Thủy; sau năm 1975, thuộc xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy; từ năm 1981, thuộc xã Thủy Thanh, huyện Hương Phú; từ năm 1991, thuộc xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, nay thuộc thị xã Hương Thủy.

## BÀI SỐ 49

賀少岩先生五十壽一百十四韻

**Hạ Thiếu Nham tiên sinh ngũ thập thọ  
nhất bách thập tứ vận**

(小引) 庚子元宵如五十初度也先生亦於是年重九前二日五旬正壽唱酬之樂  
顧不遑哉.

(Tiểu dẫn) Canh Tý Nguyên tiêu như ngũ thập sơ độ dã, Tiên sinh diệc ư thị  
niên Trùng cửu tiên nhị nhật ngũ tuần chính thọ. Xương thù chi lạc cổ bất vĩ tai!

*Ghi chú của người dịch:*

Bài thơ này làm theo thể ngũ ngôn trường thiên độc vận, 114 vắn, 228 câu,  
rất dài, tác giả lại dùng khá nhiều chữ lạ, hiếm, ý tứ mắc mớ về Phật học lẫn Đạo  
học, cần có thì giờ nghiên cứu, nên chúng tôi chưa thể dịch ngay được, sẽ xin công  
bố sau trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*.

## BÀI SỐ 50

和芝亭題慈孝寺之作原韻

**Họa Chi Đình “Đề Từ Hiếu tự” chi tác nguyên<sup>(1)</sup> vận**

|         |                                                       |
|---------|-------------------------------------------------------|
| 飛錫深山五十年 | <i>Phi tích thâm sơn ngũ thập niên,<sup>(2)</sup></i> |
| 龍降虎伏萬人傳 | <i>Long hàng hổ phục vạn nhân truyền.</i>             |
| 名僧錄已登千佛 | <i>Danh tăng lục kỷ đăng thiên Phật,</i>              |
| 後學書徒訪十仙 | <i>Hậu học thư đồ phỏng thập tiên.</i>                |
| 月影敲門隨賈島 | <i>Nguyệt ảnh xao môn tùy Giả Đảo,<sup>(3)</sup></i>  |

<sup>(1)</sup> Không hiểu sao những chữ “nguyên” đều chép sai thành 元. Chúng tôi xin sửa lại.

<sup>(2)</sup> Đây chắc là chỉ vị sư khai sơn chùa Từ Hiếu, Nhất Định hòa thượng. Sư vốn họ Nguyễn, không rõ thế  
danh, người làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong (tỉnh Quảng Trị), sinh  
năm Giáp Thìn (1786) đồng chân nhập đạo từ năm 7 tuổi với hòa thượng Phổ Tịnh chùa Báo Quốc, đến  
năm 19 tuổi được thế độ, pháp danh Tánh Thiên, tự Nhất Định. Năm 1830, sư được ban giới đao và  
độ điệp để trú trì quán Linh Hựu, rồi sung tăng cang chùa Giác Hoàng cho đến năm 1843 thì từ dịch về  
lập thảo am An Dưỡng để tu hành. Sau khi sư tịch (1847), năm 1848, Nội viện thái giám các triều Gia  
Long, Minh Mạng, Thiệu Trị nhiều người quy y với sư, quyền cúng ruộng Giám ở Tây Lộc để dựng ngay  
tại đấy một ngôi chùa sườn gỗ ba gian hai chái, vách xây, lợp ngói, bên phải có Lạc Nghĩa đường, bên  
trái có Ái Nhật đường; vua Tự Đức ban cho biển ngạch “敕賜慈孝寺 巖寺 Từ Hiếu tự”.

<sup>(3)</sup> Giả Đảo (779-843): nhà thơ thời Đường, tự Lăng Tiên, hiệu Kiệt Thạch Sơn Nhân, người Phạm Dương  
(nay huyện Đại Hưng, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc). Thời trẻ, ông đi thi nhiều lần không đỗ, liền vào chùa  
làm sãi ở Lạc Dương, pháp danh Vô Bản, rồi đến kinh đô ngụ tại chùa Thanh Long. Ông yết kiến Hàn  
Dũ, Hàn thương tình, khuyên nên đổi y phục nho sinh. Năm 821, vì làm thơ chỉ trích Tể tướng Bùi Độ,  
ông bị trục xuất khỏi kinh thành. Sau, ông cũng được làm quan, nhưng lại vì hay chỉ trích cấp trên và  
phê phán thời chính, nên bị biếm ra làm chủ bạ huyện Bồng Khê, tỉnh Tứ Xuyên. Đến năm 840, ông làm  
Tư thương tham quân tại Phổ Châu (nay thuộc huyện An Nhạc, tỉnh Tứ Xuyên), rồi đổi Tư hộ, nhưng

|         |                                                        |
|---------|--------------------------------------------------------|
| 花光搖筆着臨川 | <i>Hoa quang dao bút khán Lâm Xuyên.<sup>(1)</sup></i> |
| 客來偶借禪房宿 | <i>Khách lai ngẫu tá thiền phòng túc,</i>              |
| 消得浮生過幾天 | <i>Tiêu đắc phù sinh quá kỷ thiên.</i>                 |

Dịch nghĩa:

**Họa nguyên văn bài thơ “Đề chùa Từ Hiếu” của Chi Đình**

Trong núi sâu, ngài cỡi gậy bay đã năm mươi năm rồi;  
 Muôn người còn truyền tài sai rỗng khiến cọp của ngài.  
 Vị sư nổi tiếng đã lên cỡi nghìn vị Phật,  
 Kẻ học trò đọc sách đòi sau đi hỏi thăm mười vị tiên.  
 Dưới ánh trăng gõ cửa đi theo Giả Đảo,  
 Bên màu hoa vẩy bút xem Lâm Xuyên.  
 Khách đến tình cờ mượn phòng thiền ở lại,  
 Tiêu hết cuộc phù sinh qua mấy ngày.

Tạm dịch thơ:

Cỡi gậy non sâu năm chục niên,  
 Sai rỗng khiến hổ vượn người truyền.  
 Danh tăng thân đã lên nghìn Phật,  
 Hậu học người nay viếng chục tiên.  
 Gõ cửa dưới trăng theo Giả Đảo,  
 Vẩy ngòi bên cúc đọc Lâm Xuyên.  
 Tình cờ khách tới phòng thiền ngụ,  
 Tiêu được phù sinh mấy buổi liền.

---

chưa kịp tựu chức thì mất. Ông tinh về thơ ngũ luật, gọt dũa từng chữ từng câu, lạ lùng bí hiểm, gây ấn tượng nhưng không có tình cảm mạnh mẽ, được mệnh danh là “thôi xao”. Một hôm, trời chạng vạng, trăng đã mọc, ông đến thăm đồng đạo, cửa chùa đóng kín; ông đứng tần ngần, chợt làm câu thơ tức cảnh: *Điểu túc trì biên thụ/ Tằng xao nguyệt hạ môn* (Chim ngủ trên cây bên ao; sư gõ cửa dưới trăng). Nhưng nghĩ không biết nên dùng chữ “xao” (gỗ) hay “thôi” (đầy), đưa tay làm bộ “gõ” rồi “đầy”... Tình cờ Hàn Dũ đi xe từ triều về, thấy lạ, gọi lại hỏi, rồi cười, bảo: Dùng “xao” là phải, chữ “thôi” thì đường đột quá! Rồi mời lên xe cùng ngồi về nhà trò chuyện... Từ đó, câu chuyện lưu truyền, làng văn mới gọi việc đo gọt dùng từ là “thôi xao”.

<sup>(1)</sup> Lâm Xuyên: không rõ là tên hiệu của nhà văn, nhà thơ nào.

## BÀI SỐ 51

和默菴九日游慈孝寺之作原韻

### Họa Mặc Am “Cửu nhật du Từ Hiếu tự” chi tác nguyên vận

|         |                                               |
|---------|-----------------------------------------------|
| 夜半傳衣憶嶺南 | <i>Dạ bán truyền y ức lĩnh nam,</i>           |
| 年年秋色碧相涵 | <i>Niên niên thu sắc bích tương hàm.</i>      |
| 雲間空羨鴻冥四 | <i>Vân gian không tiển hồng minh tứ,</i>      |
| 溪上深慚虎嘯三 | <i>Khê thượng thâm tâm hổ khiếu tam.</i>      |
| 自古題糕無巨作 | <i>Tự cổ đề cao<sup>(1)</sup> vô cự tác,</i>  |
| 而今籠壁得高談 | <i>Nhi kim lung bích đắc cao đàm.</i>         |
| 玄中又証玄中趣 | <i>Huyền trung hựu chứng huyền trung thú,</i> |
| 坐對遙山一抹藍 | <i>Tọa đối dao sơn nhất mạt lam.</i>          |

Dịch nghĩa:

### Họa vận bài “Ngày mùng Chín thăm chùa Từ Hiếu” của Mặc Am

Nhớ xưa ở phía nam núi ngài truyền y bát lúc nửa đêm,  
 Năm này qua năm khác màu thu xanh biếc.  
 Trong khoảng mây, khen sông bốn cánh chim hồng mịt mờ;  
 Trên khe nước, rất hổ thẹn với ba tiếng cộp gầm.  
 Từ xưa không có tác phẩm lớn đề ngày Trùng Cửu,  
 Đến nay có được cuộc nói chuyện thú vị lồng trên vách.  
 Trong màu nhiệm lại chứng được cái thú nhiệm màu,  
 Ngồi nhìn núi xa như một vệt màu xanh chàm.

Tạm dịch thơ:

Nhớ núi nam khuya truyền y bát,  
 Màu thu ánh biếc suốt năm đầy.  
 Thẹn nghe hổ rống bên bờ suối,  
 Vui thấy hồng bay tít đám mây.  
 Thơ cũ đề cao không thấy nhĩ,

<sup>(1)</sup> Đề cao: Theo *Kiến văn hậu lục*, ngày Trùng Cửu (mùng 9 tháng Chín âm lịch, còn gọi là Trùng Dương, vì số 9 thuộc dương), Lưu Mộng Đắc làm thơ, muốn dùng chữ “糕 cao” để gieo vần, ngặt vì ngũ kinh không có chữ này, nên thôi. Tống Tử Kinh cho là không hợp lý, nên ăn bánh cao, một thứ bánh bằng bột nếp, và làm thơ có câu: “劉郎不敢題糕字 / 虛負詩中一世家 *Lưu lang bất cảm đề cao tự / Hư phụ thi trung nhất thế gia* (Đề cao chẳng dám chàng Lưu ấy / Luông phụ trong thơ một thế gia). Về sau, người ta gọi “đề cao” là làm thơ.



Chuyện nay lòng vách cũng vui thay.  
 Nhiệm màu chứng thú trong màu nhiệm,  
 Ngồi ngắm non xanh một vệt bày.

### BÀI SỐ 52

旅中九日

#### *Lữ trung Cửu nhật*

|         |                                                     |
|---------|-----------------------------------------------------|
| 登高作賦自年年 | <i>Đăng cao tác phú<sup>(1)</sup> tự niên niên,</i> |
| 誰料金朝薄海邊 | <i>Thùy liệu kim triều bạc hải biên.</i>            |
| 九日風光淹越客 | <i>Cửu nhật phong quang yêm việt khách,</i>         |
| 五行山色落沱船 | <i>Ngũ Hành Sơn sắc lạc đà thuyền.</i>              |
| 插茱兄弟虛華宴 | <i>Tháp thù huynh đệ hư hoa yến,</i>                |
| 泛菊僚朋曠綺筵 | <i>Phiếm cúc liêu bằng khoáng y diên.</i>           |
| 飄泊此生驚斷梗 | <i>Phiêu bạt thử sinh kinh đoạn ngạnh,</i>          |
| 天涯一卧觀空禪 | <i>Thiên nhai nhất ngọa quán không thiền.</i>       |

Dịch nghĩa:

#### **Ngày Trùng Cửu trong lúc đi xa**

Từ năm này qua năm khác cứ lên cao làm thơ,  
 Ai tính liệu được sáng nay lại ở bên góc biển xa.  
 Quang cảnh ngày Trùng Cửu làm chạnh lòng khách nhà chùa,  
 Màu núi Ngũ Hành chiếu xuống chiếc ghe bầu.  
 Anh em dặt lá thù du dự bữa tiệc tưởng tượng,  
 Bạn bè chơi hoa cúc trong chiếu tiệc sang trọng.  
 Cuộc đời này trôi nổi, e sợ cành cây gãy,  
 Chốn chân trời nằm quán thiền định.

Tạm dịch thơ:

Năm năm lên gác ngâm bài phú,  
 Góc biển mai này lại ghé lâu.  
 Cửu nhật phong quang buồn khách quán,  
 Ngũ Hành Sơn sắc lạc ghe bầu.  
 Lá thù huynh đệ vui chơi đó,  
 Hoa cúc liêu bằng yến tiệc đâu.

<sup>(1)</sup> Đăng cao tác phú: lên lầu làm bài phú, chỉ lòng nhớ quê nhà. Xem chú thích Vương Xán ở bài tiếp theo.



Trôi nổi kiếp này e nhánh gãy,  
Góc trời nằm quán lẽ thiên sâu.

### BÀI SỐ 53

旅夜示杜春山

#### Lữ dạ thị Đỗ Xuân Sơn

|         |                                                         |
|---------|---------------------------------------------------------|
| 海珠一揖萬塵輕 | <i>Hải Châu nhất ấp vạn trần khinh,</i>                 |
| 風雨蕭蕭滯客程 | <i>Phong vũ tiêu tiêu trệ khách trình.</i>              |
| 王粲登樓懷故國 | <i>Vương Xán<sup>(1)</sup> đăng lầu hoài cố quốc,</i>   |
| 長卿題柱媿虛生 | <i>Trưởng Khanh<sup>(2)</sup> đề trụ quý hư sinh.</i>   |
| 五湖尚阻吳船興 | <i>Ngũ hồ<sup>(3)</sup> thượng trở Ngô thuyền hứng,</i> |
| 九老深怜洛社情 | <i>Cửu lão<sup>(4)</sup> thâm linh Lạc xã tình.</i>     |
| 寄贈獨慙無小草 | <i>Ký tặng độc tàm vô tiểu thảo,</i>                    |
| 他鄉萍水話寒更 | <i>Tha hương bình thủy thoại hàn canh.</i>              |

- (1) Vương Xán: người thời Tam Quốc, quê đất Cao Bình, tự Trọng Tuyền, học rộng, biết nhiều, nổi tiếng văn tài, là một trong “Kiến An thất tử” (Khổng Dung, Trần Lâm, Vương Xán, Nguyễn Vũ, Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thục. Có sách bỏ ba cha con họ Tào mà thay bằng Từ Cán, Ung Tích, Lưu Trinh). Kiến An là niên hiệu của Hán Hiến Đế, trong khoảng 190-220. Gặp thời loạn, ông lánh tới Kinh Châu, nương nhờ Lưu Biểu, thường ở trên lầu cao sáng tác văn thơ. Ông làm bài *Đăng lầu phú* bày tỏ lòng nhớ quê hương, có câu: “*Hướng bắc phong nhi khai khâm*” (Mở vạt áo đón gió bắc, tức gió từ quê hương thổi tới). Về sau, ông làm quan với nhà Ngụy đến chức Thị trung.
- (2) Trưởng Khanh: tên chữ của Tư Mã Tương Như (179-118 TCN), người thời Hán, ở xứ Lâm Cùng, Ba Thục (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc). Ông giỏi văn, thông âm luật, lại khéo chơi đàn cầm, có cây đàn Lục Ý rất quý. Ông sáng tác bài *Phụng cầu kỳ hoàng* rất hay. Nàng Trác Văn Quân trẻ đẹp, góa chồng, cũng giỏi âm luật, mê mẩn bỏ nhà theo ông. Trác ông tức giận về chuyện con gái dâm bôn, không thĩ cho một đồng xu nhỏ. Hai vợ chồng mở quán bán hàng, nàng đón khách, chàng rửa bát. Trác ông bị miệng người đàm tiếu, cuối cùng phải cho người hầu, tiền bạc, áo quần chần gối... và tổ chức đám cưới đường hoàng... Bấy giờ, Hán Vũ Đế đọc bài *Tử hư phú* khen hay, gọi ông tới kinh đô, phong chức quan, rồi sai ông lại vào kinh lý đất Ba Thục. Ông lên đường, qua cầu Thăng Tiên, lấy bút đề vào trụ cầu một câu: 不乘高車駟馬不復過此橋 *Bất thừa cao xa tứ mã, bất phục quá thử kiều* (Không ngồi xe cao bốn ngựa thì không trở lại qua cầu này nữa). Trong cuộc đời làm quan, ông nhiều lần cáo ốm về nghỉ nhà, vì chán ngán cái cảnh bị đãi ngộ như kiêu nhà văn ngự dụng. Cuối cùng, có kẻ tố cáo ông ăn hối lộ nên bị cách chức. Sau khi ông mất, vua sai quan đến nhà tìm thu những sáng tác của ông, hầu hết đều thuộc thể loại phú, nhiều bài nổi tiếng như *Tử hư phú*, *Thượng lâm phú*, *Trưởng môn phú*, *Mỹ nhân phú*...
- (3) Ngũ hồ: 1. Năm hồ ở địa phận nước Sở cổ là Bá Dương, Động Đình, Sào, Thái và Chung, hay Bành Lãi, Động Đình, Sào, Thái và Giám. Thời Chiến Quốc, sau khi giúp Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô vương Phù Sai, mưu thần Phạm Lãi từ quan đến vùng này, đổi họ tên Đào Chu, buôn bán sinh nhai. 2. Riêng hồ Thái cũng gọi là Ngũ Hồ, vì có năm ngả hợp lưu giống như năm hồ. Tất cả các hồ vùng này đều chảy vào Trường Giang.
- (4) Cửu lão: chín ông già trong hội Lạc Dương xã, cũng gọi là Bạch xã. Thời Tấn, ông Đồng Uy Liễn về hưu ở ẩn, lập hội nhóm bạn bè uống rượu làm thơ.

Dịch nghĩa:

**Đêm xa nhà nhớ bảo Đỗ Xuân Sơn**

Ở Hải Châu, chấp tay lại, muôn hạt bụi đều nhẹ thênh;  
 Gió mưa dai dẳng ngăn trở hành trình của khách.  
 Vương Xán lên lầu nhớ về quê cũ,  
 Trường Khanh viết trên cột cầu then sông hồ.  
 Năm hồ vẫn ngáng cảm hứng thuyền xứ Ngô,  
 Chín ông già thương xót cho tình Lạc xã.  
 Gởi tặng chỉ riêng then không có tiểu thảo (?)  
 Bèo nước xa quê trò chuyện trong đêm lạnh lùng.

Tạm dịch thơ:

Chấp tay góc biển bụi trần khinh,  
 Mưa gió liên miên chậm lữ trình.  
 Vương Xán lên lầu mong cố quốc,  
 Trường Khanh đề cột then hư sinh.  
 Năm hồ còn chặn thuyền Ngô hứng,  
 Chín lão hằng thương hội Lạc tình.  
 Gởi tặng riêng buồn không tiểu thảo,  
 Nước bèo đêm lạnh chuyện phiêu linh.

**BÀI SỐ 54**

旅舍和杜春山原韻

**Lữ xá, họa Đỗ Xuân Sơn nguyên vận**

|         |                                             |
|---------|---------------------------------------------|
| 笔陣縱橫擁酒王 | <i>Bút trận tung hoành ủng tửu vương,</i>   |
| 黄花無賴殿重陽 | <i>Hoàng hoa vô lại điện Trùng Dương.</i>   |
| 品從大隱聲名重 | <i>Phẩm tòng đại ẩn thanh danh trọng,</i>   |
| 人到中年感慨長 | <i>Nhân đáo trung niên cảm khái trường.</i> |
| 莽莽乾坤關以外 | <i>Mãng mãng càn khôn quan dĩ ngoại,</i>    |
| 冥冥風雨海之疆 | <i>Mình mình phong vũ hải chi cương.</i>    |
| 旅懷似水方如許 | <i>Lữ hoài tự thủy phương như hứa,</i>      |
| 况復登臺望故鄉 | <i>Huống phục đăng đài vọng cố hương.</i>   |

Dịch nghĩa:

**Ở nhà trọ, họa nguyên văn bài thơ của Đỗ Xuân Sơn**

Ngang dọc trong trận bút đua tranh cùng vua rượu,  
 Hoa cúc vàng không còn nở vào ngày Trùng Dương.  
 Phẩm giá được tôn trọng và tiếng tăm bậc đại ẩ,  
 Người xếp vào hàng đứng tuổi, niềm cảm xúc lâu dài.  
 Man mác đất trời ở ngoài cõi đời,  
 Mịt mờ mưa gió ở nơi bờ biển.  
 Nỗi nhớ ở chốn xa xôi vời vợi như nước,  
 Huống chi lại lên đài trông về quê cũ.

Tạm dịch thơ:

Trận bút vầy vùng sánh tửu vương,  
 Cúc vàng không nở đón Trùng Dương.  
 Phẩm cao đại ẩ thanh danh trọng,  
 Người bậc trung niên cảm khái trường.  
 Mờ mịt gió mưa nương góc biển,  
 Mênh mông trời đất thoát đời thường.  
 Nỗi niềm mong nhớ trong như nước,  
 Lại bước lên đài ngóng cố hương.

**BÀI SỐ 55-57**

入關三首

***Nhập quan tam thủ***

|         |                                                        |
|---------|--------------------------------------------------------|
| 俱低海上水平彎 | <i>Câu Đê<sup>(1)</sup> hải thượng thủy bình loan,</i> |
| 六六紅橋取次攀 | <i>Lục lục hồng kiều thủ thủ phan.</i>                 |
| 細草斜陽迷短驛 | <i>Tế thảo tà dương mê đoản dịch,</i>                  |
| 寒雲古木散荒山 | <i>Hàn vân cổ mộc tán hoang san.</i>                   |
| 日行已竭幾千里 | <i>Nhật hành dĩ kiệt cơ thiên lý,</i>                  |
| 曉發才經第二關 | <i>Hiếu phát tài kinh đệ nhị quan.</i>                 |

<sup>(1)</sup> Câu Đê: Sông Câu Đê, dân gian quen gọi là Cu Đê, tên chữ là sông Trường Định, ở phía nam đèo Hải Vân thuộc thành phố Đà Nẵng, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn và đổ ra Biển Đông tại cửa biển Nam Ô. Bỏ chú của BBT.

虎口更兼魚腹患  
今朝攜稚慶生還

\* \* \*

海雲關上月華清  
夜半深山絕頂行  
貪着雲霞忘虎跡  
飽啖泉石失猿聲  
漸空資斧吁童僕  
屢折擔簦揖友生  
爲報前程名利客  
息機應早悟營營

\* \* \*

釣名獵利且隨波  
畢竟無如念刹那  
鳥道漸看臨海少  
猿聲已覺入關多  
重來半月蠓江去  
四度雙輿象曲過  
一事撩懷難舍却  
未登香港已辭沲

Hổ khẩu cánh kiêm ngư phục hoạn,  
Kim triều huê trĩ khánh sinh hoàn.

\* \* \*

Hải Vân quan thượng nguyệt hoa thanh,  
Dạ bán thâm sơn tuyệt đỉnh hành.  
Tham khán vân hà vong hổ tích,  
Bão thỉnh tuyền thạch thất viên thanh.  
Tiệm không tư phủ hu đồng bộc,  
Lữ chiết đảm đặng áp hữu sinh.  
Vĩ báo tiền trình danh lợi khách,  
Tức cơ ứng tảo ngộ doanh doanh.

\* \* \*

Điều danh lập lợi thả tùy ba,  
Tất cánh vô như niệm sát na.  
Điều đạo tiệm khan lâm hải thiếu,  
Viên thanh dĩ giác nhập quan đa.  
Trùng lai bán nguyệt Hào Giang khứ,  
Tứ độ song dư Tượng Khúc qua.  
Nhất sự liêu hoài nan xả khước,  
Vị đặng Hương cảng dĩ từ đà.

Dịch nghĩa:

### Vào cửa ải (Ba bài)

Trên biển ở Câu Đề, một vùng nước bằng phẳng;  
Sáu sáu (36?) chiếc cầu hồng nhiều lần bước lên.  
Cỏ mịn màng và ánh nắng chiều che nhà trạm nhỏ,  
Mây lạnh lùng và cây già cỗi rải rác trên núi hoang.  
Một ngày đi đã hết gần nghìn dặm đường,  
Buổi sáng sớm ra đi vừa qua cửa ải thứ hai.  
Cái lo miệng cộp kèm với cái lo bụng cá,  
Sáng hôm nay dặt tay trẻ mừng được sống sót trở về.

\* \* \*

Trên cửa ải Hải Vân, trắng sáng và mát;  
 Đi trên chót vót núi sâu vào lúc nửa đêm.  
 Ham xem cảnh mây rắng mà quên cả dẫu cộp,  
 Mãi nghe [nước chảy] trên đá suối át mất tiếng vượn.  
 Lấy rìu mở đường, gọi bảo đứa nhỏ;  
 Nhiều phen cầm dù dắt tay anh bạn.  
 Vì ai báo cho khách đua chen danh lợi con đường phía trước,  
 Nên dừng lại để sớm biết rõ ràng.

\* \* \*

Câu danh sẵn lợi, hãy tùy theo sóng nước;  
 Rốt cuộc không gì bằng niệm Phật trong chốc lát.  
 Đường chim bay dần dần xem ra biển ít,  
 Nghe tiếng vượn kêu đã biết đi vào cửa ải nhiều.  
 Lại đến nửa tháng mới đi khỏi Hào Giang,  
 Bốn phen hai chiếc xe vượt qua đèo Khúc Tượng.  
 Chỉ một việc mong nhớ không dứt bỏ được,  
 Chưa lên bến Sông Hương đã rời bỏ thuyền.

Tạm dịch thơ:

Câu Đề vũng biển không xao sóng,  
 Sáu sáu cầu hồng bước nhẩn nha.  
 Cỏ mượt nắng chiều che quán nhỏ,  
 Mây tàn cây cối rải non xa.  
 Cung đường nghìn dặm đi gần hết,  
 Cửa ải hai đèo vượt mới qua.  
 Miệng cộp đã lo thêm bụng cá,  
 Mừng nay dắt trẻ sống về nhà.

\* \* \*

Hải Vân trên ải sáng trắng treo,  
 Dẫn bước đêm thâm tận đỉnh đèo.  
 Mãi lắng đá khe quên tiếng vượn,  
 Ham xem mây rắng mặc hàm beo.  
 Mở đường vác búa kêu con gấp,

Quanh lối cầm dù náu bạn theo.  
Nhấn khách lợi danh đường phía trước,  
Nên ngừng nghỉ sớm tránh khi eo.

\* \* \*

Câu danh sẵn lợi trôi theo sóng,  
Rốt cuộc không như niệm Phật đà.  
Xa biển đường chim thừa liệng tới,  
Gần đèo tiếng vượn nhật vang ra.  
Hai lần nửa tháng Hào Giang đến,  
Bốn đạo đôi xe Khúc Tượng qua.  
Nỗi nhớ mang hoài không vơi được,  
Sông Hương chưa đến đã rời “đà”.

### BÀI SỐ 58

化臺雅集 (用七言律得期字)

#### *Hóa đài nhã tập*

(Dụng thất ngôn luật, đắc kỳ tự)

|         |                                                     |
|---------|-----------------------------------------------------|
| 世局全拋兩劫棋 | <i>Thế cục toàn phao lưỡng kiếp kỳ,</i>             |
| 造兒多事太吾欺 | <i>Tạo nhi đa sự thái ngô khi.</i>                  |
| 半生學道虛丁令 | <i>Bán sinh học đạo hư Đinh lệnh,<sup>(1)</sup></i> |
| 千古知音曠子期 | <i>Thiên cổ tri âm khoáng Tử Kỳ.<sup>(2)</sup></i>  |
| 上乘一呼偏右袒 | <i>Thượng thượng nhất hô thiên hữu đản,</i>         |
| 長城再鼓豎降旗 | <i>Trường thành tái cổ thụ hàng kỳ.</i>             |
| 樣樣獨恨無名作 | <i>Nghĩ tra độc hận vô danh tác,</i>                |
| 強自歌斯且聚斯 | <i>Cưỡng tự ca tư thả tụ tư.</i>                    |

<sup>(1)</sup> Đinh lệnh: quan huyện họ Đinh, chưa rõ là ai.

<sup>(2)</sup> Tử Kỳ: Người họ Chung, tên Tử Kỳ, giỏi nghe đàn. Chỉ bạn bè hiểu nhau, đồng cảm về nghệ thuật. Sách *Liệt tử*, thiên *Thang vấn*: Bá Nha giỏi đàn, chơi thân cùng Chung Tử Kỳ, người giỏi nghe đàn. Sau, Tử Kỳ chết, Bá Nha cho là trong thiên hạ không có ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa, bèn đập vỡ cây đàn. Sách *Lã thị xuân thu*: Một hôm, Bá Nha gảy đàn, Tử Kỳ ngồi nghe. Khi Bá Nha nghĩ đến chốn non cao, Tử Kỳ nói: 善哉乎鼓琴危乎若太山 *Thiện tại hồ cổ cầm! Nguy nguy hồ như Thái Sơn* (Đánh đàn giỏi thay! Vội vội như Thái Sơn). Một lát, Bá Nha nghĩ đến chốn sông suối, Tử Kỳ lại bảo: 善哉乎鼓琴蕩蕩乎若流水 *Thiện tại hồ cổ cầm! Đãng đãng hồ như lưu thủy* (Đánh đàn giỏi thay! Cuồn cuộn như nước chảy).

Dịch nghĩa:

**Hóa đài nhĩ tập (Dùng thơ luật bảy tiếng, lấy vần “kỳ”)**

Cuộc thế hoàn toàn ném vào ván cờ hai kiếp,  
 Con tạo lắm chuyện thật coi nhẹ ta quá.  
 Mất nửa đời học đạo, uổng cho ông huyện họ Đinh;  
 Kẻ tri âm nghìn xưa, bỏ rơi ông Tử Kỳ.  
 Bậc trên hết kêu một tiếng, ai cũng xắn tay áo,  
 Tòa thành dài đánh lại hồi trống, cấm cây cờ hàng.  
 Chiếc bè đậu ở bến giận không có danh tác,  
 Gượng tự hát ở đây, tự hớp ở đây.

Tạm dịch thơ:

Cuộc thế như cờ hai kiếp đổi,  
 Hóa nhi lắm chuyện bỏ ta chi.  
 Nửa đời học đạo thương Đinh lệnh,  
 Nghìn thừa tri âm uổng Tử Kỳ.  
 Chủ tướng hô to xắn hữu đản,  
 Thành dài trống bãi cấm hàng kỳ.  
 Đậu bè luống giận không danh tác,  
 Gượng tự ca đi tự hớp đi.

**BÀI SỐ 59**

化臺雅集和淨齋原韻

**Hóa đài nhĩ tập, họa Tĩnh Trai nguyên vận**

|         |                                                        |
|---------|--------------------------------------------------------|
| 十二樓臺弱水東 | <i>Thập nhị lâu đài Nhược Thủy đông,<sup>(1)</sup></i> |
| 步虛人在五雲中 | <i>Bộ hư nhân tại ngũ vân trung.</i>                   |
| 探驪客思凌滄海 | <i>Thám ly khách tứ lãng thương hải,</i>               |
| 跨鶴仙翁下碧空 | <i>Khóa hạc tiên ông há bích không.</i>                |

<sup>(1)</sup> Thập nhị lâu đài, Nhược Thủy: chỉ cảnh tiên. 1. Tương truyền vua Hoàng Đế thời cổ xây dựng 12 tòa lầu ở Ngũ Thành trên núi Côn Luân để hầu thần tiên. 2. Tây Vương Mẫu, còn gọi A Mẫu, là bà chúa tiên cai quản chư tiên thời Tam hoàng Ngũ đế trong huyền thoại cổ. Bà có hiệu Quy Sơn Kim Mẫu hay Quy Đài Kim Mẫu Nguyên Quân; cung khuyết trên núi Kim Sơn (Côn Luân) có thành đài nghìn dặm ba lớp (Tầng Thành), lầu ngọc mười hai tòa (Thập Nhị Lâu), ao Dao Trì bên trái, khe Hoàn Thủy bên phải, sông Nhược bao quanh dưới chân núi, sóng cao nghìn trượng, người không ai lên tới được. Vương Mẫu có vườn đào, ba nghìn năm mới kết quả, thường mở hội mời chư tiên đến dự, ăn một quả sống nghìn năm. Vương Mẫu đi đâu thì có hai con chim xanh đến báo trước và tiên nữ Đồng Song Thành theo hầu.



|         |                                            |
|---------|--------------------------------------------|
| 三徑風清高士宅 | <i>Tam kính phong thanh cao sĩ trạch,</i>  |
| 夾牆花擁梵王宮 | <i>Giáp tường hoa ủng Phạm vương cung.</i> |
| 無生悟入禪機妙 | <i>Vô sinh ngộ nhập thiền cơ diệu,</i>     |
| 法性何嘗有始終 | <i>Pháp tính hà thường hữu thủy chung.</i> |

Dịch nghĩa:

**Hóa đài nhĩ tập, họa nguyên văn thơ của Tĩnh Trai**

Mười hai tòa lầu đài ở phía đông Nhực Thủy,  
 Con người bước giữa khoảng không trong mây năm sắc.  
 Đi tìm thăm rỗng đen, ý tứ khách vượt lên ngoài biển xanh;  
 Cõi hạc, ông tiên xuống từ trời xanh.  
 Gió mát ba luồng cúc là nhà ở của bậc cao sĩ,  
 Hoa che sát bên vách là cung của Phạm vương (chùa).  
 Giác ngộ lẽ “vô sinh” nhập vào cơ thiền mẫu nhiệm,  
 Pháp tính làm gì thường có bắt đầu và kết thúc.

Tạm dịch thơ:

Mười mấy lầu đài Nhực Thủy đông,  
 Người đi giữa cõi ngũ vân lồng.  
 Tìm rỗng ý khách tung thương hải,  
 Cõi hạc ông tiên xuống bích không.  
 Gió mát ba đường cao sĩ trạch,  
 Hoa tươi kề vách Phạm vương cung.  
 Vô sinh hiểu rõ thiền cơ diệu,  
 Pháp tính đâu thường có thủy chung.

**BÀI SỐ 60**

臘日重游化臺 (限五言律得臺字)

***Lập nhật trùng du Hóa đài***

(Hạn ngũ ngôn luật, đắc đài tự)

|       |                                    |
|-------|------------------------------------|
| 地控含龍阜 | <i>Địa khống Hàm Long phụ,</i>     |
| 天開小翠臺 | <i>Thiên khai Tiểu Thúy đài.</i>   |
| 重游風月水 | <i>Trùng du phong nguyệt thủy,</i> |
| 三友竹松梅 | <i>Tam hữu trúc tùng mai.</i>      |



|       |                                |
|-------|--------------------------------|
| 問字登場早 | <i>Vấn tự đăng trường tảo,</i> |
| 攻文合陣纔 | <i>Công văn hợp trận tài.</i>  |
| 山家還臘日 | <i>Sơn gia hoàn Lạp nhật,</i>  |
| 盂粥咄嗟催 | <i>Vu chúc đột ta thôi.</i>    |

Dịch nghĩa:

**Ngày tế Chạp lại đi chơi Hóa đài**

(Hạn thơ luật năm tiếng, vần “đài”)

Đất có gò Hàm Long đứng chắn,  
 Trời mở ra đài Tiểu Thúy.  
 Lại đi chơi vùng gió trắng và nước,  
 Với ba bạn trúc, thông và mai.  
 Học chữ thì sớm vào trường thi,  
 Làm văn thì mới vừa vào hội.  
 Về nhà trên núi vào ngày tế Chạp,  
 Quát mắng hối thúc mang lên chén cháo.

Tạm dịch thơ:

Đất nổi Hàm Long phụ,  
 Trời xây Tiểu Thúy đài.  
 Cuộc chơi trắng gió nước,  
 Ba bạn trúc tùng mai.  
 Học chữ từng thi cử,  
 Làm văn mới tập bài.  
 Về nhà ngày tế Chạp,  
 Bát cháo húp hơi dài.

**BÀI SỐ 61**

苦寒 (限七言絕得溫字)

**Khổ hàn** (Hạn thất ngôn tuyệt, đắc ôn tự)

|         |                                             |
|---------|---------------------------------------------|
| 釀寒風雨失朝暾 | <i>Nhương hàn phong vũ thất triều thôn,</i> |
| 燠室圍爐共討論 | <i>Ao thất vi lô cộng thảo luận.</i>        |
| 日暮不妨頻秉燭 | <i>Nhật mộ bất phương tần bính chúc,</i>    |
| 蘇床連夜得奇溫 | <i>Tô sàng liên dạ đắc kỳ ôn.</i>           |

Dịch nghĩa:

**Rét gắt (Hạn thơ luật bảy tiếng, vần “ôn”)**

Trời trở rét, gió mưa mát cả nắng buổi sớm mai;  
 Trong nhà ấm, quanh lò sưởi, cùng bàn về thơ.  
 Trời về chiều, chẳng hại gì chong đuốc mãi,  
 Suốt đêm trên giường Tô được sự ấm áp lạ lùng.

Tạm dịch thơ:

Rét trời, mưa gió, mai không nắng;  
 Phòng kín quanh lò nói chuyện thơ.  
 Chiều tối lo gì chong đuốc mãi,  
 Giường Tô ấm áp suốt đêm mơ.

**BÀI SỐ 62-64**

招弟姪輩讌集小翠雲山之巢 (七言律得香字)

***Chiêu đệ diệp bối yến tập Tiểu Thúy Vân Sơn chi sào***

(Thất ngôn luật, đặc hương tự)

臘尾烟花散草堂  
 道南道北赴諸郎  
 談源傾倒誰稱最  
 筆陣縱橫各擅長  
 僧社重尋惟白傅  
 吟床差慰是黃香  
 田荆老悟情尤切  
 衡宇相望日頤顏

\* \* \*

半空晴翠落寒塘  
 十笏茅樓島樹涼  
 蒼石欹牆名字古  
 梅花遶榻笑談香  
 諸郎才調追江左  
 九老風懷繼洛陽  
 清宦歸來惟數卷  
 燕山遺業望聯芳

\* \* \*

*Lạp vĩ yên hoa xướng thảo đường,  
 Đạo nam đạo bắc phó chư lang.  
 Đàm nguyên khuynh đảo thùy xưng tối,  
 Bút trận tung hoành các thiện trường.  
 Tăng xã trùng tâm duy Bạch Phó,  
 Ngâm sàng sai úy thị Hoàng Hương.  
 Điền Kinh lão ngộ tình vuơu thiết,  
 Hành Vũ tương vong nhật hiệt hàng.*

\* \* \*

*Bán không tình thúy lạc hàn đường,  
 Thập hốt mao lâu đảo thụ lương.  
 Thương thạch y tường danh tự cổ,  
 Mai hoa nhiễu tháp tiếu đàm hương.  
 Chư lang tài điệu truy Giang Tả,  
 Cửu lão phong hoài kế Lạc Dương.  
 Thanh hoạn quy lai duy số quyển,  
 Yên Sơn di nghiệp vọng Liên Phương.*

\* \* \*

|         |                                            |
|---------|--------------------------------------------|
| 龍領山頭盡淺陽 | <i>Long Hàm sơn đầu ánh thiên dương,</i>   |
| 灞橋吟客趁梅香 | <i>Bá kiều ngâm khách sấn mai hương.</i>   |
| 五湖妙畫情尤雅 | <i>Ngũ hồ diệu họa tình ưu nhã,</i>        |
| 二郤遺風議不妨 | <i>Nhị Khích di phong nghị bất phương.</i> |
| 勾曲樓臺傳韻事 | <i>Câu Khúc lâu đài truyền vận sự,</i>     |
| 剡川烟月帶恩光 | <i>Diễm Xuyên yên nguyệt đới ân quang.</i> |
| 無心雲出應無住 | <i>Vô tâm vân xuất ứng vô trú,</i>         |
| 莫誤移文到草堂 | <i>Mạc ngộ di văn đáo thảo đường.</i>      |

Dịch nghĩa:

**Mời các em và các cháu họp tại nhà cổ Tiểu Thúy Vân Sơn**

(Thơ luật bảy tiếng, vần “hương”)

Cuối tháng Chạp, hoa tươi, ngôi nhà cổ cao ráo;  
 Từ đường phía nam, phía bắc, các chàng trai kéo đến.  
 Chuyện trò nghiêng ngả ai cho mình là nhất,  
 Múa bút dọc ngang, mỗi người đều cật mình giỏi.  
 Hội các nhà sư thì chỉ tìm lại Bạch Cư Dị,  
 Giường thơ thì tạm an ủi ông Hoàng Hương.  
 Ông Điền Kinh già mới giác ngộ, tính càng tha thiết,  
 Ở Hành Vũ trông nhau ngày cứ trôi qua.

\* \* \*

Ánh xanh biếc trên lưng trời rơi xuống làn ao lạnh,  
 Lầu tranh mười hốt (?), cây trên đảo mát mẻ.  
 Đá xanh dựa vách, chữ tên xưa cũ,  
 Hoa mai quanh giường cười nói thơm tho.  
 Các chàng tài điệu noi theo Giang Tả,  
 Chín lão phong lưu nối tiếp Lạc Dương.  
 Làm quan trong sạch, khi về chỉ có vài quyển sách,  
 Cơ nghiệp Yên Sơn để lại trông chờ ở Liên Phương.

\* \* \*

Đầu núi Hàm Long ánh nắng nhạt nhòa,  
 Khách thơ ở cầu Bá đi vào mùi thơm hoa mai.  
 Bức tranh năm hồ tuyệt diệu trông càng nhã,

Phong thái còn lại của hai ông họ Khích ý vẫn tốt đẹp.  
 Lầu đài ở Câu Khúc truyền lại câu chuyện thơ,  
 Vàng trắng sáng ở Diễm Xuyên mang ơn.  
 Mây ra khỏi núi hờ hững trôi không dừng lại,  
 Đùng nhảm lẫn đưa văn tới chốn nhà tranh.

Tạm dịch thơ:

Cuối Chạp hoa tươi nhà cỏ thoáng,  
 Đường nam lối bắc rủ nhau về.  
 Chuyện trò nghiêng ngả ai hay nhất,  
 Viết lách tung hoành thấy khéo ghê.  
 Bạch Phó tìm cùng làng sãi tới,  
 Hoàng Hương vui với chiếu thơ đề.  
 Điền Kinh già ngộ tình càng thiết,  
 Hành Vũ ngày ngày trông ngóng quê.

\* \* \*

Lung trời ánh biếc soi ao lạnh,  
 Cây đào che im mái thảo đường.  
 Đá xám bên tường đề hiệu cổ,  
 Hoa mai quanh giậu tỏa mùi hương.  
 Những chàng tài điệu so Giang Tả,  
 Chín lão phong lưu nổi Lạc Dương.  
 Thanh quan cáo lão vài quyển sách,  
 Yên Sơn sự nghiệp nhớ Liên Phương.

\* \* \*

Đầu núi Hàm Long nắng nhạt vương,  
 Khách thơ cầu Bá tới mai hương.  
 Ngũ Hồ diệu họa tình càng nhã,  
 Nhị Khích di phong nghĩa vẫn thường.  
 Câu Khúc lầu đài truyền vận sự,  
 Diễm Xuyên trắng khói tắm ân quang.  
 Hững hờ mây tỏa trôi lơ lửng,  
 Chớ lẫn đem văn tới thảo đường.

## BÀI SỐ 65

守歲 (限五言律得如字)

### Thủ Tuế

(Hạn ngũ ngôn luật, đắc “như” tự)

|       |                          |
|-------|--------------------------|
| 祭詩徵古事 | Tế thi trung cổ sự,      |
| 剪燭敘談餘 | Tiến chúc tự đàm dư.     |
| 昨踐廬山約 | Tạc tiến Lư sơn ước,     |
| 辰遺圯上書 | Thần di Dĩ thượng thư.   |
| 五行游僊後 | Ngũ Hành du quyiện hậu,  |
| 三翠社開初 | Tam Thúy xã khai sơ.     |
| 小願從頭數 | Tiểu nguyệן tòng đầu số, |
| 曾無一不如 | Tằng vô nhất bất như.    |
| 除夕顫詩祭 | Trừ tịch ngung thi tế,   |
| 窮文孰作諸 | Cùng văn thực tác chư.   |
| 寒隨一夜煖 | Hàn tùy nhất dạ noãn,    |
| 春逐五更舒 | Xuân trục ngũ canh thư.  |
| 打鼓迎陽泰 | Đả cổ nghênh dương thái, |
| 燒燈謝歲餘 | Thieu đăng tạ tuế dư.    |
| 明年明日度 | Minh niên minh nhật độ,  |
| 清夢卜何如 | Thanh mộng bốc hà như.   |

Dịch nghĩa:

### Lễ Thủ Tuế

(Hạn thơ luật năm tiếng, vần “như”)

Lễ tế thơ noi theo lệ thời xưa,  
Thắp đèn nói chuyện mãi.  
Hôm trước đưa tiễn cuộc hẹn núi Lư,  
Ngày nay còn lại cuốn sách cầu Dĩ.  
Sau chuyến đi chơi núi Ngũ Hành mệt mỏi,  
Mới mở ra hội thơ Tam Thúy.  
Tính thử niềm ước nguyện nhỏ nhoi lúc ban đầu,  
Chưa từng có một lần sai trái.  
Đêm Trừ Tịch làm lễ tế thơ,

Nào ai làm văn lúc cuối năm nữa?  
Cái rét theo một đêm mà ấm,  
Mùa xuân giục giã đến canh năm thì thoải mái.  
Đánh trống đón vàng dương rạng rỡ,  
Đốt đèn cảm ơn năm trước.  
Ngày đầu năm mới đến,  
Giấc mơ tốt đẹp sẽ như thế nào?

Tạm dịch thơ (chuyển thể):

Tế thơ lệ cũ chẳng sai,  
Thắp đèn trò chuyện đêm dài còn dư.  
Hôm qua tiễn hẹn non Lư,  
Sách trao cầu Dĩ bây chừ còn đây.  
Ngũ Hành chơi thỏa những ngày,  
Hội thơ Tam Thúy mới bày khai trương.  
Biết bao mơ ước tầm thường,  
Chưa từng một chút sai đường, thật may.  
Đêm Trừ Tịch tế thơ bày,  
Năm cùng tháng tận văn hay ai làm.  
Một đêm dứt cái rét căm,  
Mùa xuân giục giã canh năm thỏa đời.  
Trống dồn đón ánh nắng tươi,  
Đốt đèn cảm tạ tuổi trời thêm ra.  
Ngày đầu năm mới đã qua,  
Giấc mơ tốt đẹp sẽ là sao đây?